

## TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

### Hải quân nhân dân Việt Nam, lực lượng nòng cốt tham gia chống đế quốc Mỹ phong tỏa sông, biển miền Bắc bằng thủy lôi và bom từ trường

-----

#### LỜI NÓI ĐẦU

Cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc nước ta (1964 - 1973) là một trong những cuộc chiến tranh ác liệt nhất trong lịch sử dân tộc ta. Trong cuộc chiến tranh phá hoại này, đế quốc Mỹ đã chửi xuống miền Bắc nước ta hàng chục vạn tấn bom, đạn các loại. Đặc biệt, đế quốc Mỹ thả hàng vạn quả thủy lôi và bom từ trường xuống các cửa sông, cửa biển, các bến cảng, dòng sông của miền Bắc nhằm phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của ta; phong tỏa, ngăn cản sự chi viện sức người, sức của từ hậu phương lớn miền Bắc cho tiền tuyến lớn miền Nam sông; ngăn cản sự viện trợ của bè bạn quốc tế cho Việt Nam; bao vây, cô lập, làm nhục ý chí giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của nhân dân ta và trực tiếp ngăn chặn mọi hoạt động chiến đấu của Hải quân nhân dân Việt Nam.

Cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ phong tỏa sông, biển miền Bắc bằng thủy lôi và bom từ trường lần thứ nhất (1967 - 1968) và lần thứ hai (1972 - 1973) là cuộc chiến đấu vô cùng khó khăn gian khổ, căng thẳng, quyết liệt, đầy nguy hiểm, hy sinh. Trong những năm tháng ấy, chiến trường sông, biển miền Bắc đã trở thành nơi đọ sức, đọ trí, đọ tài quyết liệt giữa một bên là kẻ thù có trang bị kỹ thuật, vũ khí hiện đại, tối tân với một bên là quân, dân miền Bắc do lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam làm nòng cốt chủ lực, có phương tiện, vũ khí chưa thật hiện đại, nhưng đã chiến đấu anh dũng, mưu trí, sáng tạo, ngoan cường. Kết quả, chúng ta đã đánh bại một phương thức tác chiến thâm độc của kẻ địch và giành được chiến thắng vẻ vang.

Thắng lợi trong chống đế quốc Mỹ phong tỏa sông, biển miền Bắc bằng thủy lôi và bom từ trường là một chiến công to lớn của quân, dân miền Bắc và là một trong những chiến công tiêu biểu của Hải quân nhân dân Việt Nam. Chiến công đó đã góp phần quan trọng cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiếp tục tiến lên “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc; chiến thắng đã đi vào lịch sử như một kỳ tích chiến đấu, làm phong phú thêm kho tàng nghệ thuật chống giặc giữ nước của dân tộc ta. Chiến công to lớn đó đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là xây dựng Hải quân nhân dân Việt Nam cách mạng, chính qui, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ làm nòng cốt trong quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc.

Kỷ niệm 50 năm Chiến công chống đế quốc Mỹ phong tỏa sông, biển miền Bắc bằng thủy lôi và bom từ trường (27/6/1973 - 27/6/2023) là đợt sinh hoạt chính trị có ý nghĩa thiết thực. Để tiếp tục tuyên truyền giáo dục về truyền thống chiến đấu vẻ vang của quân và dân ta, nhất là của Hải quân nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Cục chính trị Hải quân biên soạn và phát hành “Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 50 năm Chiến công chống đế quốc Mỹ phong tỏa sông, biển miền Bắc bằng thủy lôi và bom từ trường (27/6/1973 - 27/6/2013)”, là tài liệu để

tuyên truyền thường xuyên, tuyên truyền trong nội bộ Quân chủng, trong các tầng lớp nhân dân và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

## CỤC CHÍNH TRỊ HẢI QUÂN

### *Phần thứ nhất*

## **HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUÂN NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ PHONG TỎA SÔNG, BIỂN MIỀN BẮC BẰNG THỦY LÔI VÀ BOM TỬ TRƯỜNG (1967 - 1968 VÀ 1972 - 1973)**

### **I. CUỘC CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ PHONG TỎA SÔNG, BIỂN MIỀN BẮC BẰNG THỦY LÔI VÀ BOM TỬ TRƯỜNG LẦN THỨ NHẤT (1967 - 1968)**

#### **1. Âm mưu, thủ đoạn và hành động của đế quốc Mỹ**

Đầu năm 1965, để cứu vãn sự sụp đổ của chính quyền và quân đội nguy quân Sài Gòn, trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ buộc phải chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”, đưa quân viễn chinh và quân các nước chư hầu của Mỹ vào miền Nam Việt Nam; đồng thời âm mưu mở rộng cuộc chiến tranh leo thang phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Sau thất bại nặng nề trong cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất, đế quốc Mỹ tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh trên cả hai miền Nam - Bắc Việt Nam. Đầu năm 1967, Mỹ mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai trên chiến trường miền Nam và ngày càng đẩy mạnh việc đánh phá bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc. Máy bay, tàu chiến Mỹ đêm ngày đánh phá các mục tiêu trên đất liền một cách điên cuồng, gây nhiều tội ác dã man, tàn bạo đối với đồng bào ta; đồng thời chúng thả thủy lôi, bom tử trường xuống các bến cảng, cửa sông ven biển, các khu tập kết chuyên tải hàng hóa và các bến phà trên sông, biển miền Bắc hòng ngăn chặn tuyến vận tải sông, biển của ta chi viện cho chiến trường miền Nam. Chúng thả nhiều đợt, mỗi đợt thực hiện theo một phương thức mới, kết hợp nhiều loại thủy lôi, bom mìn có sự cải tiến và mức độ ngày càng nguy hiểm hơn.

Đợt một, từ ngày 26 tháng 02 đến ngày 20 tháng 5 năm 1967. Lúc đầu chúng thả 106 quả thủy lôi xuống 4 cửa sông lớn thuộc địa bàn Quân khu 4 là sông Mã (28 quả), sông Lam (Cửa Hội 32 quả), sông Gianh (34 quả) và sông Nhật Lệ (12 quả). Riêng ở Hải Phòng, chúng thả ở các luồng lạch xung quanh thành phố với ý đồ vừa thăm dò dư luận, vừa xem khả năng phản ứng của ta. Tiếp đó, chúng dùng máy bay A6-A, A-D6, F4, F7, F8... liên tục thả hàng ngàn quả thủy lôi MK-50 (loại thủy lôi cảm ứng âm thanh) và MK-52 (loại thủy lôi cảm ứng từ trường), hình thành những tuyến chương ngại trên khắp các cửa sông, biển miền Bắc. Do đặc điểm các dòng sông ở miền Bắc có luồng chảy hẹp, uốn lượn ngoằn ngoèo và bị hỏa lực dày đặc của các lực lượng phòng không 3 thứ quân của ta đánh trả quyết liệt, nên máy bay địch không thể bay thấp để thả thủy lôi trúng luồng. Những quả thủy lôi rơi trúng luồng cũng ít phát huy tác dụng vì bị ta phát hiện, rà phá, tháo gỡ.

Đợt hai, từ tháng 6 năm 1967 đến tháng 10 năm 1968, địch đã sử dụng bom từ trường DST-36 không chế hẹn nổ như thủy lôi để thay thế thủy lôi. Đây là loại vũ khí rất nguy hiểm, có tác dụng chiến đấu cả ở trên cạn và dưới nước. Khi được thả từ máy bay xuống, bom từ trường chui sâu dưới đất, rất khó phát hiện và nếu phát hiện được cũng rất khó đưa lên, nhất là ở dưới nước, nên mức độ nguy hiểm lớn hơn rất nhiều.

Với âm mưu cắt đứt hoàn toàn các tuyến giao thông thủy bộ của ta, địch đã thả hàng ngàn quả thủy lôi, bom từ trường DST-36 xen lẫn với bom phá xuống các cửa sông, bến phà, cửa biển, bến cảng. Những khu vực trọng điểm chúng thả với mật độ dày hơn. Trong cả 2 đợt, từ tháng 02 năm 1967 đến tháng 10 năm 1968, đế quốc Mỹ đã thả 74.718 quả thủy lôi, bom mìn các loại, trong đó có gần 7.000 quả thủy lôi và bom từ trường phong tỏa 24 cửa sông, biển lớn nhỏ từ Cửa Tùng (Vĩnh Linh) đến cửa Văn Úc (Hải Phòng). Riêng khu vực xung quanh cảng Hải Phòng chúng thả trên 1.500 quả, sông Gianh 2.000 quả, cửa Ròn 1.500 quả... Vào giai đoạn cuối địch thả những loại thủy lôi, bom từ trường đã được cải tiến như DST-36 Mod1, DST-36 Mod2, DST-36 Mod3 (chủ yếu là cải tiến đầu nổ MK42 theo các Mod1, Mod2, Mod3) để chống ta tháo gỡ, làm mất tác dụng chiến đấu của vũ khí thủy lôi, bom từ trường của chúng.

Nhằm làm gián đoạn giao thông giữa Hải Phòng, thành phố cảng lớn nhất của miền Bắc với các tỉnh, địch đã ném bom phá sập cầu Rào, cầu Niệm và thả dày đặc bom từ trường DST-36 xuống dưới lòng sông, bịt các cửa sông, bến phà xung quanh thương cảng, gây khó khăn cho vận chuyển hàng hóa viện trợ của nước ngoài vào cảng và từ cảng không thể chuyển đi nơi khác, với ý đồ biến thành phố cảng thành hòn đảo cô lập với nội địa. Không những thế, đế quốc Mỹ còn liên tục cho máy bay giám sát các tàu chở hàng của Liên Xô, Cu Ba và các nước XHCN anh em trên đường từ biển vào cảng Hải Phòng; chúng đã bắn tên lửa, rốc két vào hai tàu chở hàng của Liên Xô đang đậu ở cảng, gây thiệt hại về vật chất và làm thương vong một số sĩ quan, thủy thủ của đội tàu, bất chấp sự phản đối của dư luận.

## **2. Hải quân nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt, chủ lực, tiên phong chống đế quốc Mỹ phong tỏa sông, biển miền Bắc, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ rà phá thủy lôi, bom từ trường trong chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1967 - 1968)**

Ngày 01 tháng 6 năm 1966, Thường vụ Quân ủy Trung ương xác định: “Vấn đề chống phong tỏa các cảng là một nhiệm vụ cấp thiết” và chỉ đạo Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Hải quân tích cực nghiên cứu kế hoạch, chuẩn bị đối phó. Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng giao cho Quân chủng Hải quân làm đề án phòng chống địch phong tỏa thủy lôi và giúp cấp trên chỉ đạo về chuyên môn; chủ trương chung là: “Phải hết sức tích cực đánh địch, đừng để địch phong tỏa cảng. Phải chuẩn bị mọi điều kiện để khi địch phong tỏa cảng thì giải quyết được nhanh chóng; chuẩn bị phải tập trung và trọng điểm”.

Ngày 20 tháng 6 năm 1966, Bộ Tổng Tham mưu ra thông báo về tình hình địch âm mưu phong tỏa các cảng sông, biển và đường giao thông. Đồng thời Bộ Tổng Tham mưu đã chỉ thị tích cực triển khai các biện pháp phòng chống và giao cho Hải quân làm nòng cốt chủ lực trong tổ chức thực hiện.

Để chủ động đối phó với nguy cơ địch sử dụng thủy lôi phong tỏa vùng biển miền Bắc, ngay từ đầu năm 1966, Đảng ủy Quân chủng Hải quân ra Nghị quyết lãnh đạo Quân chủng chủ động xây dựng kế hoạch chống địch phong tỏa đường thủy. Ngày 12 tháng 4 năm 1966, Bộ Tư lệnh Hải quân đã hoàn thành xây dựng kế hoạch phòng chống địch phong tỏa khu vực Hải Phòng - Đông Bắc.

Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, trong hai ngày 23 và 24 tháng 6 năm 1966, Bộ Tư lệnh Hải quân tổ chức hội nghị hiệp đồng giữa Hải quân với các lực lượng có liên quan do Đại tá Nguyễn Bá Phát - Tư lệnh Hải quân chủ trì để quán triệt chỉ thị của Bộ Tổng Tham mưu, thảo luận kế hoạch chung và 2 đề án chống địch phong tỏa thủy lôi do Quân chủng Hải quân soạn thảo. Ngày 27 tháng 6 năm 1966, Bộ Tư lệnh Hải quân chủ trì tổ chức Hội nghị hiệp đồng chống phong tỏa thủy lôi với Quân khu 3<sup>1</sup>, Bộ Tư lệnh 350, Bộ Tư lệnh Công an vũ trang và Công an vũ trang Hải Phòng; phân công trách nhiệm cho từng lực lượng. Trong đó, Hải quân tổ chức đội phá thủy lôi, có trách nhiệm nghiên cứu kỹ thuật, tìm cách tháo gỡ và huấn luyện, hướng dẫn cho lực lượng của các tỉnh, quân khu và lực lượng liên quan khác tham gia tháo gỡ, rà phá thủy lôi. Không quân dùng máy bay thả bom chìm để phá thủy lôi khi được Hải quân xác định vị trí. Quân khu Đông Bắc và Quân khu 3 tổ chức những đội tàu thuyền, thợ lặn... hiệp đồng với Hải quân để rà phá thủy lôi theo khu vực phân công. Các lực lượng khác và công an Hải Phòng, công an Quảng Ninh... sử dụng tàu cá của các xí nghiệp tổ chức những đội quan sát và hiệp đồng với Hải quân để tháo gỡ, rà phá thủy lôi.

Cùng thời điểm này, Đại tá Nguyễn Bá Phát, Tư lệnh Hải quân cùng đoàn cán bộ Hải quân trực tiếp làm việc với Thành ủy và Ủy ban hành chính thành phố Hải Phòng, Bộ Giao thông vận tải, Cục Vận tải đường biển, Tổng cục Thủy sản, Cảng Hải Phòng... bàn kế hoạch hiệp đồng và phân công nhiệm vụ cụ thể các lực lượng trong hiệp đồng chống địch phong tỏa thủy lôi.

Đồng thời, Bộ Tư lệnh Hải quân đã quyết định thành lập cơ quan nghiên cứu kỹ thuật chống phong tỏa thủy lôi; tổ chức lực lượng rà phá thủy lôi; giao nhiệm vụ cho Phòng Công binh vừa tổ chức huấn luyện lực lượng làm nhiệm vụ chống phong tỏa của địch vừa cử người về các địa phương ven biển giúp đỡ việc tổ chức quan sát và huấn luyện kỹ thuật rà phá thủy lôi; giao nhiệm vụ cho Cục Hậu cần và các xưởng, trạm chủ động nghiên cứu, sản xuất khí tài, dụng cụ quan sát, rà phá thủy lôi của địch.

Ngày 02 tháng 7 tháng 1966, Bộ Tư lệnh Hải quân ra quyết định thành lập Đội 8 công binh thuộc Bộ Tham mưu Hải quân, do đồng chí Hoàng Lưu làm Đội trưởng, đồng chí Nguyễn Minh Giám làm Chính trị viên, đồng chí Trương Thế Hùng làm Đội phó kỹ thuật, đồng chí Nguyễn Văn Độ làm Đội phó hậu cần. Lực lượng ban đầu của đội có 50 người, chia thành hai bộ phận, trong đó có một số giáo viên của Trường Sĩ quan Hải quân làm nòng cốt. Nhiệm vụ của Đội là tham mưu cho Quân chủng tổ chức nghiên cứu cách phòng, chống địch phong tỏa bằng thủy lôi; đề xuất việc sử dụng các phương tiện, trang bị rà phá; tổ chức mạng lưới thông tin quan sát thủy lôi; làm nòng cốt rà phá, tháo gỡ thủy lôi khi địch phong tỏa; tổ chức huấn luyện cho các lực lượng trong và ngoài quân đội.

Ngày 11 tháng 7 năm 1966, Bộ Tư lệnh Hải quân hiệp đồng cụ thể với Cục Vận tải đường biển để khẩn trương khảo sát tìm luồng lạch khác và tổ chức khai

---

<sup>1</sup> Tháng 3 năm 1967 Quân khu 3 tách thành 2 quân khu là Quân khu Tả Ngạn và Quân khu Hữu Ngạn.

thác các luồng mới, phân tán nơi neo đậu của các tàu ... để đề phòng địch phong tỏa.

Ngày 20 tháng 7 năm 1966, Quân ủy Trung ương tiếp tục chỉ thị cho Quân chủng Hải quân tích cực đẩy mạnh công tác chuẩn bị chống địch phong tỏa. Bộ Tổng Tham mưu chỉ đạo Bộ Tư lệnh Hải quân tập trung nghiên cứu xây dựng kế hoạch, biện pháp cụ thể, kịp thời tham mưu cho Bộ và chỉ đạo về nghiệp vụ kỹ thuật chống, phá thủy lôi cho các đơn vị lực lượng vũ trang, đồng thời tổ chức các đội tháo gỡ thủy lôi ở những khu vực trọng điểm. Do đã chủ động chuẩn bị trước, nên cuối tháng 8 năm 1966, Bộ Tư lệnh Hải quân đã chủ trì tổ chức diễn tập hiệp đồng rà phá thủy lôi với máy bay của không quân và các lực lượng ở khu vực Hải Phòng để rút kinh nghiệm chung.

Để có được kỹ thuật ban đầu về rà phá, tháo gỡ thủy lôi của địch, tháng 9 năm 1966, Quân chủng Hải quân đề nghị với Bộ Quốc phòng nhờ Liên Xô cho chuyên gia sang giúp mở lớp huấn luyện tháo gỡ thủy lôi cho 40 cán bộ, chiến sĩ tại cơ quan Bộ Tư lệnh Quân chủng; nhờ Trung Quốc cử chuyên gia sang giúp mở lớp huấn luyện về rà phá bom, mìn tại Trường Sĩ quan Hải quân.

Ngày 20 tháng 10 năm 1966, Quân chủng Hải quân được giao nhiệm vụ chỉ huy quân sự đối với các đoàn tàu vận tải quốc doanh và đánh cá (tổng cộng 170 chiếc, có 8 chiếc của Cục Vận tải đường biển). Quân chủng đã trang bị súng 14,5mm và 12,7mm cho các tàu thuyền để sẵn sàng đánh trả máy bay, tàu chiến địch, đồng thời hướng dẫn các tàu thuyền tổ chức quan sát, phát hiện máy bay, tàu chiến địch xâm phạm đánh phá và thả thủy lôi...

Ngày 29 tháng 12 năm 1966, Bộ Tư lệnh Hải quân ra quyết định thành lập Ban Nghiên cứu kỹ thuật trực thuộc Chủ nhiệm Hậu cần Hải quân để nghiên cứu các loại phương tiện, vũ khí, trang bị của các nước viện trợ nhằm cải tiến cho phù hợp với điều kiện của ta và nghiên cứu cải tiến chế tạo mới phục vụ cho chiến đấu của Quân chủng. Đầu tháng 01 năm 1967, Bộ Tư lệnh Quân chủng đã mở được 4 lớp tập huấn cho 112 người ở các khu vực Hải Phòng, Cát Hải, Cát Bà, Quân khu Đông Bắc về công tác quan sát phát hiện, xác định vị trí thủy lôi, mở một lớp lặn mò thủy lôi và một lớp kỹ thuật tháo gỡ thủy lôi cho các đơn vị, thời gian 45 ngày, đồng thời cung cấp một số phương tiện khí tài rà phá cho các địa phương ven biển, những thiết bị này chủ yếu là khí tài thô sơ.

Như vậy ngay từ đầu, công tác phòng, chống địch phong tỏa sông, biển bằng thủy lôi và bom từ trường đã được chỉ đạo chặt chẽ, chủ động và chuẩn bị rất tích cực, có phân công nhiệm vụ cho các lực lượng hiệp đồng cụ thể, trong đó, Hải quân giữ vai trò là nòng cốt chủ lực, đột phá, đi tiên phong trong cuộc chiến đấu quan trọng này.

Nhận được thông tin đêm ngày 26 tháng 02 năm 1967, địch bắt đầu thả thủy lôi phong tỏa 4 cửa sông lớn thuộc Quân khu IV, Bộ Tư lệnh Hải quân đã chỉ thị cho Đội 8 công binh cử ngay một tổ 9 đồng chí vào Khu IV phối hợp với lực lượng tại chỗ để khảo sát, nghiên cứu tìm cách tháo gỡ, rà phá. Khi có thông tin bộ đội công binh Quảng Bình vớt được 2 quả thủy lôi của địch thả ở bãi sông gần bên phà Gianh và đưa lên xe ô tô tải chở ra Nam Đàn, Nghệ An thì tổ "tiền trạm" của Đại đội 8 Công binh cấp tốc hành quân đến nơi để hai quả thủy lôi và khẩn trương triển khai thực hiện nhiệm vụ. Được sự hợp tác có hiệu quả của bộ đội công binh tỉnh Quảng Bình và nhân dân địa phương, trên cơ sở những kiến thức cơ bản đã được

học về thủy lôi, 3 đồng chí của Đội 8 Công binh Hải quân do đồng chí Trương Thế Hùng, Đại đội phó kỹ thuật trực tiếp phụ trách cùng các đồng chí Trần Thanh Hoài và Đào Kỳ xác định một quả thủy lôi là MK-50 (thủy lôi cảm ứng từ) và một quả là MK-52 (thủy lôi cảm ứng âm thanh).

Mặc dù không có dụng cụ chuyên dùng không nhiễm từ nhưng trước yêu cầu phải nhanh chóng tìm cho được bí mật quả thủy lôi của địch để có giải pháp hiệu quả chống phong tỏa, ngày 15 tháng 3 năm 1967, tổ công binh Hải quân do đồng chí Hùng phụ trách khẩn trương triển khai nghiên cứu, tháo gỡ thủy lôi bằng dụng cụ sửa chữa xe đạp. Sau khi chuyển 2 quả thủy lôi để cách xa nhau, tổ phân công lần lượt từng người vào tiếp cận thủy lôi để tháo gỡ. Những người còn lại thì ẩn nấp ở một vị trí an toàn cách xa chỗ tháo thủy lôi khoảng vài chục mét. Là người chỉ huy, phụ trách kỹ thuật nên đồng chí Trương Thế Hùng nhận trách nhiệm vào tháo gỡ đầu tiên. Lần đầu tiếp xúc với quả thủy lôi của địch, hoàn toàn không biết về cấu tạo và nguyên lý hoạt động của nó như thế nào, đến lúc nào thì nó sẽ nổ, nên vô cùng nguy hiểm. Chấp nhận vào tháo gỡ thủy lôi trong tình trạng như vậy là chấp nhận sẵn sàng hy sinh bất cứ lúc nào. Song với quyết tâm cháy bỏng tìm cho được bí mật của vũ khí thủy lôi của địch, bằng trí thông minh, lòng quả cảm, không sợ hy sinh, đồng chí Trương Thế Hùng cùng các đồng chí trong tổ thay nhau trực tiếp đương đầu với quả thủy lôi, cẩn thận tháo và đánh dấu thứ tự từng con ốc để tiện theo dõi, đề phòng địch có thể đặt bẫy, thủy lôi sẽ nổ, hoặc xì khí độc giết chết người tháo gỡ. Suốt một ngày trời đầy căng thẳng, vất vả, 3 đồng chí đã làm việc không ngơi nghỉ, liên tục thay nhau “chiến đấu” với quả thủy lôi của địch, tháo từng con ốc, kíp nổ, đoạn dây điện,... tháo đến đâu, đọc thật to đến đó cho những đồng đội ở xa theo dõi ghi chép lại, phòng trường hợp thủy lôi nổ, người tháo hy sinh nhưng các đồng đội còn lại sẽ biết được địch cài bẫy chống tháo ở vị trí con ốc thứ mấy để rút kinh nghiệm. Cuối cùng, 2 quả thủy lôi hiện đại của địch đã được các chiến sĩ Công binh Hải quân tháo gỡ an toàn, làm mất hẳn tác dụng chiến đấu của nó, tạo cơ sở cho việc tìm hiểu cấu tạo, nguyên lý hoạt động, vô hiệu chúng và nghiên cứu thiết kế, chế tạo công cụ, phương tiện rà phá thủy lôi của địch.

Ngay sau đó, hai quả thủy lôi này được chở ra Hải Phòng. Bộ Tư lệnh Hải quân đã chỉ đạo rút kinh nghiệm kịp thời và cử các đồng chí công binh Hải quân nhanh chóng phổ biến kinh nghiệm bước đầu tháo gỡ thủy lôi địch cho các lực lượng. Tiếp đó, từ ngày 27 tháng 3 đến ngày 08 tháng 4 năm 1967, một tổ khác của Công binh Hải quân do đồng chí Nguyễn Sĩ Trinh, Phó trưởng Phòng Kỹ thuật Hải quân phụ trách phối hợp với lực lượng tại chỗ ở khu vực sông Mã đã mò tìm, tháo gỡ thành công 5 quả thủy lôi loại MK-52. Những quả thủy lôi được tháo gỡ đã nhanh chóng được đưa về Bộ Tư lệnh Hải quân kiêm Quân khu Đông Bắc<sup>2</sup> để nghiên cứu nguyên lý gây nổ. Xưởng Sửa chữa thông tin ra đa (X56) của Hải quân do đồng chí Nguyễn Duy Khoái phụ trách đã dùng các thiết bị đo điện tử để nghiên cứu, đo vẽ tìm ra được sơ đồ mạch điện, thông số kỹ thuật, giúp cho bộ phận nghiên cứu kỹ thuật Hải quân kết hợp với sự giúp đỡ của Viện Kỹ thuật quân sự, Bộ Tư lệnh Công binh, Trường Đại học Bách Khoa tìm ra nguyên lý hoạt động

---

<sup>2</sup> Ngày 27 tháng 3 năm 1967 Bộ Tư lệnh Hải quân sáp nhập với Bộ Tư lệnh Quân khu Đông Bắc thành Bộ Tư lệnh Hải quân kiêm Quân khu Đông Bắc; BTL Quân khu 3 đổi tên thành BTL Quân khu Tả Ngạn.

chiến đấu của thủy lôi địch, phục vụ cho việc nghiên cứu chế tạo các phương tiện, thiết bị rà phá có hiệu quả.

Bộ Tư lệnh Hải quân một mặt chỉ đạo tích cực tìm cách tháo gỡ, nghiên cứu thiết kế những thiết bị rà phá chống phong tỏa thủy lôi của địch, mặt khác chỉ đạo lực lượng công binh cùng các lực lượng tàu thuyền của Quân chủng và lực lượng của các quân khu, địa phương dùng những thiết bị rà phá thô sơ như thùng phuy, tấm tôn, tàu thuyền nhỏ lắp bộ khung dây điện từ kéo lướt qua khu vực có lôi, hoặc dùng bộc phá kích thủy lôi nổ... tìm mọi cách để nhanh giải phóng các luồng lạch. Ngày 18 tháng 5 năm 1967, một tổ công binh Hải quân ở Cửa Hội dùng thuyền kéo phao bia đã kích nổ một quả thủy lôi, càng cổ vũ tinh thần kiên trì, ý chí quyết tâm chiến đấu và chiến thắng của bộ đội ta trong rà phá, tháo gỡ thủy lôi của địch.

Mặc dù chưa có những thiết bị rà phá hiệu quả cao nhưng cán bộ, chiến sĩ Công binh Hải quân vẫn kiên cường chiến đấu chống phong tỏa của địch; không quản ngày đêm kiên trì, dũng cảm thực hiện những biện pháp thủ công, kéo đi kéo lại các khí tài thô sơ trên từng khúc sông, luồng lạch để rà phá hoặc lặn sâu xuống lòng sông mò tìm, tháo gỡ, áp bộc phá trực tiếp vào thủy lôi để kích nổ. Một số đồng chí đang mò vớt, tháo gỡ thủy lôi thì bị thủy lôi bất ngờ nổ, có đồng chí đang mò tìm thủy lôi hoặc đang thử nghiệm thiết bị rà phá thì bị máy bay địch phát hiện bắn tên lửa, rốc két, đã anh dũng hy sinh. Có tổ công binh đang huấn luyện rà phá thủy lôi thì thuyền bị giông đẩy trôi ra biển, bị máy bay địch bắn chìm và gọi tàu chiến đến bắt những người còn sống đưa đi mãi sau này mới thả...

Ngày 05 và 06 tháng 7 năm 1967, Quân chủng Hải quân kiêm Quân khu Đông Bắc tổ chức Hội nghị hiệp đồng chống phong tỏa với các Quân khu Tả Ngạn, Hữu Ngạn, Việt Bắc, Bộ Tư lệnh Thủ đô, Bộ Tư lệnh Công an vũ trang, Bộ Tư lệnh Công binh, Cục Tác chiến, Cục Dân vận, Cục Vận tải đường biển, Cục Đường sông, Tổng cục Thủy sản, Bộ Tư lệnh 350 và Công an vũ trang Quảng Ninh... để thống nhất các biện pháp tổ chức chống địch phong tỏa, tổ chức các trạm quan sát ở ven sông, biển, gấp rút tổ chức các đội tháo gỡ chuyên nghiệp, nghiên cứu phương án mở đường vòng tránh và tận dụng mọi khả năng để nghiên cứu, chế tạo các phương tiện, thiết bị khí tài rà phá thủy lôi.

Ngày 16 tháng 8 năm 1967, Bộ Tư lệnh Hải quân kiêm Quân khu Đông Bắc tiếp tục tổ chức Hội nghị hiệp đồng chống phong tỏa lần thứ 2 với các quân khu, công an và địa phương nhằm đôn đốc đẩy mạnh thực hiện các kế hoạch hiệp đồng chống phong tỏa cụ thể của các lực lượng. Ngoài ra Quân chủng đã tiến hành nhiều hội nghị hiệp đồng cụ thể khác với các địa phương có liên quan để tạo thành một thể trận chống phong tỏa của địch thật sự thống nhất, kịp thời và có hiệu quả nhất.

Từ cuối tháng 8 đến cuối tháng 10 năm 1967, Bộ Tư lệnh Hải quân kiêm Quân khu Đông Bắc đã điều động các phân đội thuộc Đại đội 8 Công binh đến các khu vực trọng điểm địch thả thủy lôi, bom từ trường và những nơi dự kiến địch có thể phong tỏa ở Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An. Tại các khu vực trọng điểm, lực lượng công binh Hải quân kiêm Quân khu Đông Bắc vừa trực tiếp rà phá, tìm kiếm tháo gỡ thủy lôi, bom từ trường, vừa hướng dẫn lực lượng của địa phương tổ chức các trạm quan sát, huấn luyện kỹ thuật và kèm cặp các tổ, đội rà phá thủy lôi của các lực lượng trong và ngoài quân đội. Giữa tháng 10 năm 1967, đồng chí Trương Thế Hùng cùng với đồng chí Hoài và đồng chí Tấn thuộc Đại đội 8 Công binh Hải quân được sự hỗ trợ của lực lượng tự vệ địa phương đã dò tìm

và tháo gỡ an toàn tuyệt đối một quả bom từ trường DST-36 mang đầu nổ MK-42 tại khu vực bên phà An Dương, Hải Phòng.

Việc “bắt sống” (tháo gỡ) thành công những quả thủy lôi MK-50, MK-52 và bom từ trường DST-36 ngay sau khi địch thả xuống hòng phong tỏa, ngăn chặn các tuyến giao thông thủy, bộ của ta có giá trị vô cùng quan trọng, là một trong những yếu tố có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của cuộc chiến đấu chống địch phong tỏa sông, biển miền Bắc của quân và dân ta.

Từ những khám phá, kết luận về thủy lôi và bom từ trường của địch, cán bộ ngành kỹ thuật Hải quân đã phối hợp với các xưởng 46 và 56 của Quân chủng nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thành công các phương tiện, thiết bị rà phá thủy lôi như HDL-9 (Hải quân diệt lôi-9), là thiết bị phóng từ được lắp động cơ đẩy, dùng xuống cao su kéo trên mặt nước để phóng từ kích nổ thủy lôi, bom từ trường. Ngay đêm 30 tháng 01 năm 1968 (tức đêm 30 tết Mậu Thân), khi thử nghiệm thiết bị HDL-9 đã kích nổ 9 quả bom từ trường ở sông Tam Bạc, Hải Phòng và 8 quả khác ở khu vực phà Tiên Cự và phà Khuê. Đó chính là một thành công lớn làm cơ sở cho việc chế tạo các thiết bị rà phá có công suất lớn hơn. HDL-9 sau đó trở thành thiết bị chủ lực rà phá thủy lôi, bom từ trường ở khu vực Hải Phòng và các địa phương.

Sau khi nghiên cứu chế tạo thành công thiết bị rà phá HDL-9, cán bộ kỹ thuật Hải quân lại tiếp tục thiết kế chế tạo thành công thiết bị rà phá mang tên HT-5 (Hải quân từ trường-5) là thiết bị phóng từ có cấu tạo gọn nhẹ, hiệu quả; và sau đó cải tiến thành thiết bị HT-6 có hiệu suất chiến đấu cao hơn. Với cơ sở thiết bị này, chúng ta đã nhờ Trung Quốc cải tiến, chế tạo ra máy phóng từ 311 và 480 để lắp đặt trên các tàu rà phá thủy lôi, bom từ trường vào giai đoạn sau.

Cũng trong thời gian này, cán bộ kỹ thuật Hải quân đã phối hợp với bộ phận nghiên cứu kỹ thuật của Cục Vận tải đường biển nghiên cứu, thiết kế thành công thiết bị rà phá thủy lôi âm từ kết hợp, mang tên PĐ-67 (Phao đèn-67), được chế tạo tại Xưởng 46 Hải quân. Qua thử nghiệm, PĐ-67 chỉ kích nổ được những quả thủy lôi khi biết chính xác vị trí của nó và ở những nơi có dòng chảy nhỏ. Thiết bị PĐ-67 khá cồng kềnh và tính an toàn không cao, nên các tác giả tiếp tục nghiên cứu cải tiến và được xưởng cơ khí của Cục Vận tải đường biển sản xuất để trang bị chủ yếu cho lực lượng rà phá của Cục.

Trên cơ sở các thiết bị HDL-9, HT-5, HT-6 và PĐ-67 của kỹ thuật Hải quân nghiên cứu chế tạo, các nhà máy đóng tàu Bạch Đằng, Cơ khí Duyên Hải, xưởng Cơ khí Cục Vận tải đường biển, Xí nghiệp 25 của Tổng cục Thủy sản, Xí nghiệp cơ khí Hòn Gai, Cẩm Phả đã tiến hành sản xuất hàng loạt các thiết bị rà phá để cung cấp cho các lực lượng tham gia chống đế quốc Mỹ phong tỏa bằng thủy lôi và bom từ trường trên các vùng sông biển miền Bắc Việt Nam.

Mặc cho máy bay địch điên cuồng đánh phá, cán bộ chiến sĩ công binh và các tàu của hải quân cùng với lực lượng của các quân khu và địa phương đã đêm ngày bám sát những nơi địch thả thủy lôi và bom từ trường để rà phá, tháo gỡ, với tinh thần “địch thả thì ta phá gỡ”, “quyết tâm đánh địch mà đi, mở luồng mà tiến”, dù có phải hy sinh cũng kiên quyết giải phóng thông luồng nhanh nhất, quyết đập tan âm mưu, hành động phong tỏa của kẻ thù.

Sau ngày 31 tháng 3 năm 1968, Tổng thống Mỹ tuyên bố ngừng ném bom đánh phá từ vĩ tuyến 20 trở ra, Bộ Tư lệnh Hải quân kiêm Quân khu Đông Bắc đã chỉ đạo các đơn vị, lực lượng của Hải quân chủ động tranh thủ mọi điều kiện thời



gian, tích cực phối hợp với các đơn vị, lực lượng rà phá, tháo gỡ thủy lôi, bom từ trường của địch, nhanh chóng thông luồng để bảo đảm phục vụ cho tàu thuyền của ta hoạt động trên các tuyến vận tải.

Để nâng cao hiệu quả chiến đấu chống phong tỏa, đầu tháng 5 năm 1968, Bộ Tư lệnh Hải quân kiêm Quân khu Đông Bắc chỉ đạo tăng cường các trang bị kỹ thuật, khí tài cho Đội 8 Công binh để làm nòng cốt và là lực lượng cơ động chung phá thủy lôi, bom từ trường ở những nơi trọng điểm khó khăn; đồng thời làm nhiệm vụ huấn luyện, kèm cặp các đội của lực lượng tham gia chống phong tỏa. Các trung đoàn 171, 172, 125, Trường Sĩ quan Hải quân và các khu vực phòng thủ đều xây dựng những đội bán chuyên nghiệp, được huấn luyện để có trình độ phá thủy lôi nhất định. Bộ Tư lệnh Quân chủng kiêm Quân khu cũng đề nghị các huyện, thị, nhất là các huyện, thị có khu vực trọng điểm xây dựng những đội công binh chuyên nghiệp làm nòng cốt chống phong tỏa ở địa phương. Chỉ đạo củng cố các trạm quan sát đã có và tiếp tục tổ chức huấn luyện quan sát cho các lực lượng; thống nhất và phổ biến rộng rãi cho các đối tượng những tín hiệu vòng tránh bãi thủy lôi. Bên cạnh đó, Bộ Tư lệnh cũng yêu cầu cấp ủy, chỉ huy các cấp tăng cường giáo dục, quán triệt nhiệm vụ chống phong tỏa cho mọi cán bộ, chiến sĩ, đi sâu vào lãnh đạo làm tốt công tác tư tưởng, kỹ thuật phá, gỡ thủy lôi; luôn chủ động xây dựng trước các kế hoạch và thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm nghiêm túc, kịp thời.

Tháng 6 năm 1968, Bộ Tư lệnh Hải quân kiêm Quân khu Đông Bắc quyết định củng cố phát triển Đội 8 Công binh thành Đội 8 công binh tương đương cấp tiểu đoàn, biên chế 6 phân đội và bổ sung các trang bị phương tiện, khí tài phóng từ hiện đại như ca nô phóng từ KCN, khí tài HT-5, HT-6 và HDL-9 để rà phá; kịp thời điều động lực lượng của đội tăng cường vào phía Nam cùng với các lực lượng chống phong tỏa của Quân khu 4, Cục Vận tải đường biển và các địa phương tiến hành rà phá thủy lôi, bom từ trường tại các khu vực then chốt ở Cửa Hội, sông Gianh, sông Nhật Lệ, cửa Sốt, cửa Khẩu, cửa Nhượng... Kết quả, trong gần 2 tháng kể từ ngày đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố chấm dứt chiến tranh phá hoại không điều kiện đối với miền Bắc Việt Nam (31 tháng 10 năm 1968) lực lượng Công binh Hải quân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phá nổ 310 quả bom từ trường và cùng với các lực lượng khác phá nổ 700 quả, khai thông các luồng lạch, bảo đảm an toàn trên các tuyến vận tải, phục vụ kịp thời cho chiến dịch vận chuyển VT5 tạo chân hàng cho lực lượng vận tải chiến lược Trường Sơn kịp thời chi viện cho chiến trường miền Nam đánh giặc.

Có thể nói, với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, quán triệt sâu sắc nhiệm vụ chống địch phong tỏa bằng thủy lôi, bom từ trường và liên tục rút kinh nghiệm từ thực tế chống phong tỏa, Quân chủng Hải quân kiêm Quân khu Đông Bắc trực tiếp là cơ quan đầu não của Quân chủng và Đội 8 Công binh cùng với các tàu của các trung đoàn 171, 172, 125, Trường Sĩ quan Hải quân, lực lượng nghiên cứu kỹ thuật và các xưởng, trạm của Quân chủng đã phát huy cao độ tinh thần cách mạng tiến công, nêu cao vai trò nòng cốt chủ lực, tích cực, chủ động, không sợ khó khăn gian khổ, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc, kiên cường, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, lập chiến công xuất sắc trong chiến đấu chống phong tỏa của đế quốc Mỹ; cùng với lực lượng của các quân khu, quân binh chủng và địa phương hiệp đồng chặt chẽ, tạo thành một thế trận chiến đấu vững chắc, đánh thắng cuộc phong tỏa bằng thủy

lôi và bom từ trường lần thứ nhất của đế quốc Mỹ trên các vùng sông, biển miền Bắc nước ta. Chỉ tính riêng trong năm 1967, Đại đội 8 công binh Hải quân đã tổ chức được 37 lớp tập huấn giới thiệu tính năng, tác dụng, các biện pháp rà phá thủy lôi; bồi dưỡng cách sử dụng các thiết bị rà phá do Hải quân nghiên cứu, chế tạo; hướng dẫn kỹ thuật cho 619 tổ phá bom từ trường và kèm cặp 13 tổ rà phá khác của các quân khu, tỉnh, thành phố, Bộ Giao thông vận tải, Cục Vận tải đường biển, Cục Đường sông, Ty Bảo đảm hàng hải và Cảng Hải Phòng...; tổ chức 8 hội nghị hiệp đồng rà phá thủy lôi ở các tỉnh, kết hợp triển lãm giới thiệu về thủy lôi, bom mìn cũng như âm mưu phong tỏa của địch và cách phá gỡ thủy lôi cho hơn 2.000 cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ rà phá bom mìn, thủy lôi thuộc bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ; đã trực tiếp tháo gỡ, phá nổ hàng trăm quả thủy lôi, bom từ trường và hiệp đồng với các lực lượng phá nổ hàng ngàn quả khác.

Kết quả trong hai năm (1967 - 1968), với vai trò nòng cốt, chủ lực, Quân chủng Hải quân kiêm Quân khu Đông Bắc đã phối hợp với lực lượng của các quân khu, quân binh chủng và địa phương ven biển sử dụng các phương tiện hiện đại kết hợp với thô sơ, rà phá được 8.851 quả thủy lôi và bom từ trường, trong đó, tháo gỡ được 134 quả, đặt bộc phá trực tiếp phá nổ 1.236 quả, dùng khung dây điện từ và các thiết bị phá nổ 7.481 quả. Khi Mỹ tuyên bố chấm dứt ném bom đánh phá miền Bắc Việt Nam (31 tháng 10 năm 1968) thì 2 ngày sau lực lượng rà phá của Quân chủng Hải quân kiêm Quân khu Đông Bắc làm nòng cốt đã hoàn thành thông luồng để dân tàu 300 tấn chở hàng vào các cảng Bến Thủy, sông Gianh, Đồng Hới an toàn, đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của đế quốc Mỹ trong cuộc phong tỏa bằng thủy lôi và bom từ trường lần thứ nhất trên sông biển miền Bắc nước ta.

## **II. PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP, TÍCH CỰC, CHỦ ĐỘNG GIÀNH THẮNG LỢI TO LỚN TRONG CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ PHÒNG TỎA SÔNG, BIỂN MIỀN BẮC BẰNG THỦY LÔI VÀ BOM TỪ TRƯỜNG LẦN THỨ HAI (1972 - 1973)**

### **1. Âm mưu, thủ đoạn và hành động mới của đế quốc Mỹ**

Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân và dân ta ở miền Nam nổ ra đã đẩy quân nguy Sài Gòn vào tình trạng nguy khốn. Nhằm vực đỡ cho quân nguy, cứu vãn sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam, đế quốc Mỹ đã liều lĩnh tiến hành một chủ trương có ý nghĩa chiến lược vượt ra khỏi khuôn khổ của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, thực hiện một phần “Mỹ hóa” trở lại cuộc chiến. Tổng thống Mỹ Ních-xơn trắng trợn tuyên bố: “thà thất bại trong bầu cử tổng thống còn hơn thua trong cuộc chiến tranh này”. Chúng huy động không quân và hải quân với cường độ rất cao chi viện cho quân nguy phản kích trên chiến trường miền Nam và cho hệ thống cố vấn trở lại hoạt động đến cấp trung đoàn, nắm quyền chỉ huy trực tiếp điều khiển chiến tranh. Đồng thời, đế quốc Mỹ đã thực hiện một cuộc phiêu lưu chiến tranh mới hết sức nguy hiểm đối với miền Bắc, bất chấp sự phản đối của dư luận quốc tế và nhân dân tiến bộ Mỹ, hòng đánh một đòn hiểm độc có tính chất quyết định để bóp nghẹt miền Bắc, cắt đứt nguồn tiếp tế từ ngoài vào nước ta và từ miền Bắc vào miền Nam, làm cho ta bị kiệt quệ và buộc phải thay đổi quyết tâm, chấp nhận thương lượng theo những điều kiện do Mỹ đặt ra.

Đầu tháng 4 năm 1972, Mỹ cho lực lượng lớn hải quân và không quân đánh phá trở lại đối với miền Bắc Việt Nam với mức độ vô cùng ác liệt và thủ đoạn thâm độc. Cùng với tập trung đánh phá các cơ sở kinh tế, quốc phòng trên đất liền,

chúng đã tiến hành phong tỏa bằng thủy lôi và bom từ trường trên khắp các luồng lạch, sông biển với tính chất, mức độ khốc liệt hơn rất nhiều so với cuộc phong tỏa trước đây.

Ngày 09 tháng 5 năm 1972, đế quốc Mỹ cho hàng loạt máy bay A6-A, A7-A, F4... từ Hạm đội 7 ở biển Đông ồ ạt bay vào thả hàng ngàn quả thủy lôi, bom từ trường xuống luồng Nam Triệu, Hải Phòng và vùng biển khu vực Hòn Gai, Cẩm Phả, Cửa Hội, Sông Gianh, các cửa sông chính thuộc các tỉnh Thái Bình, Hà Nam Ninh, Thanh Hóa... mở đầu cho cuộc phong tỏa lần thứ hai đối với sông biển miền Bắc. Làm cho giao thông ra vào các cảng bị tê liệt, 26 tàu của Liên xô, Ba Lan, Trung Quốc, Cu Ba... bị kẹt tại cảng Hải Phòng với hàng chục ngàn tấn hàng chưa kịp bốc dỡ và hàng trăm ngàn tấn hàng còn tồn đọng ở các kho bãi cảng không chuyên đi được. Các tàu đang ở Phao số 0 không vào được cảng phải quay ra khơi, dùng tàu Hải quân chở hoa tiêu tìm đường vào các nơi trú đậu an toàn ở khu vực vịnh Hạ Long. Chúng còn tuyên bố thời gian an toàn của thủy lôi là 3 ngày để yêu cầu các tàu buôn nước ngoài nhanh chóng rời khỏi các cảng Hải Phòng, Hòn Gai, Cẩm Phả. Đây là đòn vừa đánh phủ đầu ta, vừa thăm dò để chuẩn bị cho những hành động chiến tranh phá hoại khốc liệt tiếp theo. Chỉ trong 10 ngày, từ 09 đến 19 tháng 5 năm 1972, đế quốc Mỹ đã rải 43 bãi thủy lôi, bom từ trường ở các cửa sông, hải cảng, đường hàng hải quốc tế, các khu chuyển tải và vùng ven biển miền Bắc với tổng diện tích các bãi thủy lôi lên tới hơn 655km<sup>2</sup>, trong đó có 481km<sup>2</sup> ở biển và 174km<sup>2</sup> ở các luồng sông.

Cũng như cuộc phong tỏa lần thứ nhất (1967 - 1968), địch thực hiện nhiều đợt thả thủy lôi, bom từ trường. Đợt 1, từ ngày 09 đến 19 tháng 5 năm 1972, chúng thả ồ ạt để phủ đầu, đồng thời mang tính chất thăm dò, đuổi tàu buôn nước ngoài ra khỏi các cảng của ta. Đợt 2, từ ngày 27 tháng 8 đến ngày 04 tháng 10 năm 1972, địch tiếp tục thả hàng ngàn quả thủy lôi phong tỏa các cảng chính và cửa sông từ Hải Phòng đến Nam Quân khu 4. Đợt 3, từ ngày 18 tháng 12 năm 1972 đến ngày 15 tháng 01 năm 1973, chúng tiếp tục thả bom sừng ở nhiều nơi. Hành động của chúng với mức độ leo thang từ thấp lên cao, từ thả để thăm dò phản ứng tiến đến thả đồng loạt, từ phạm vi hẹp đến rộng khắp, từ chỉ thả thủy lôi đến xen lẫn thủy lôi, bom từ trường và bom phá, với các thủ đoạn hết sức xảo quyệt. Chúng tận dụng triệt để các điều kiện thời gian, thời tiết, khí tượng thủy văn phức tạp để thực hiện âm mưu phong tỏa. Đặc biệt, từ ngày 18 đến ngày 29 tháng 12 năm 1972, đế quốc Mỹ mở chiến dịch Lai-nơ-béch-cơ II, dùng máy bay chiến lược B.52 và các loại máy bay chiến thuật hiện đại nhất, điên cuồng đánh phá Hà Nội, Hải Phòng, kết hợp với tàu chiến bắn phá ác liệt các vùng ven biển, đồng thời tiếp tục thả thủy lôi, bom từ trường phong tỏa các khu vực cảng chính Hải Phòng, chia cắt, cô lập các đầu mối giao thông thủy, bộ... làm cho các tuyến vận tải ven biển của ta bị tắc nghẽn, nhiều tuyến đường sông cũng bị ngừng trệ. Sau khi chiến dịch Lai-nơ-béch-cơ II thất bại, buộc phải chấm dứt ném bom trên miền Bắc Việt Nam kể từ ngày 30 tháng 12 năm 1972 và trở lại đàm phán ở Pa ri, nhưng Mỹ vẫn tiếp tục thả thủy lôi, bom từ trường xuống các vùng sông, biển ở phía Nam Quân khu 4. Đến ngày 15 tháng 01 năm 1973 chúng mới chấm dứt hoàn toàn việc thả thủy lôi.

Khác với cuộc phong tỏa lần trước, đế quốc Mỹ đã áp dụng những thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật quân sự để đưa cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa lần thứ hai này lên một quy mô mới. Chúng sử dụng loại thủy lôi MK-52 cái

tiến có lắp đầu suy giảm số 5 thả xen kẽ với bom từ trường DST-36 được cải tiến đầu nổ MK42 với 4 loại ngòi nổ có tính năng gây nổ khác nhau và chế độ định thời gian tự hủy khác nhau. Đồng thời chúng phong tỏa ở tất cả các cửa sông, hải cảng, cả trong sông, ngoài biển và trong vịnh, cả luồng chính và luồng phụ, nhằm ngăn chặn triệt để các hoạt động giao thông vận chuyển của ta, khiến cho cuộc chiến đấu chống phong tỏa của quân và dân ta vô cùng gian khổ, quyết liệt.

Trong cuộc leo thang chiến tranh phá hoại lần thứ hai, đế quốc Mỹ đã ném xuống miền Bắc nước ta 17.080 quả bom, mìn các loại, trong đó có 7.963 quả thủy lôi và bom từ trường phong tỏa các khu vực cảng, cửa sông, ven biển thuộc 10 tỉnh duyên hải từ Quảng Ninh đến Quảng Trị. Những khu vực bị phong tỏa nặng nhất là Hải Phòng (1.733 quả), cửa Hội - Sông Lam (1.352 quả), Hòn La - Quảng Bình (1.162 quả), sông Gianh (610 quả)...

## **2. Phát huy kết quả, kinh nghiệm rà phá thủy lôi, bom từ trường lần thứ nhất (1967 - 1968), Hải quân nhân dân Việt Nam tiếp tục giữ vai trò nòng cốt chủ lực, cùng quân dân miền Bắc tích cực, chủ động, đoàn kết, sáng tạo, đánh thắng cuộc phong tỏa sông, biển miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1972 - 1973)**

Trước sự đánh phá trở lại miền Bắc bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, nhận định địch sẽ lại dùng thủy lôi và bom từ trường phong tỏa sông biển của ta, ngày 03 tháng 5 năm 1972, Quân ủy Trung ương ra Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chống phong tỏa thủy lôi, bảo đảm giao thông vận tải biển. Quân ủy Trung ương giao cho Quân chủng Hải quân<sup>3</sup>, chủ động phối hợp với các quân khu, quân chủng, binh chủng và cấp ủy, chính quyền các địa phương, tích cực thực hiện việc chống phong tỏa, tổ chức quan sát dọc ven biển, ven sông lớn, tiến hành phá gỡ thủy lôi của địch; đồng thời chỉ đạo Quân chủng Hải quân cùng với Binh chủng Công binh phối hợp với cơ quan nghiên cứu và tổng kết kinh nghiệm của các đơn vị, các địa phương để kịp thời sáng tạo những cách mới trong phá gỡ thủy lôi của địch, bảo đảm khai thông luồng lạch trên các khu vực sông, biển. Bộ Tổng Tham mưu giao cho Quân chủng Hải quân tổ chức lực lượng rà phá, tháo gỡ thủy lôi, bom từ trường ở những khu vực cảng, cửa sông, vùng ven biển; Binh chủng Công binh, các quân khu đảm nhiệm việc rà phá, tháo gỡ thủy lôi ở trong sông. Đồng thời Bộ Tổng Tham mưu cũng giao cho Bộ Tư lệnh Hải quân phối hợp với Bộ Tư lệnh Công binh, Viện Kỹ thuật quân sự nghiên cứu, tìm các biện pháp khắc phục về mặt kỹ thuật để rà phá thủy lôi, bom từ trường có hiệu quả.

Để giúp Chính phủ trực tiếp chỉ đạo, bảo đảm được chặt chẽ theo một hệ thống thống nhất cao trong chống phong tỏa của địch, ngày 20 tháng 5 năm 1972, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo chống phong tỏa trực thuộc Chính phủ gồm 5 đồng chí. Trong đó, đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp làm Trưởng ban; đồng chí Nguyễn Bá Phát, Tư lệnh Hải quân làm Phó ban; các đồng chí Đặng Kinh, Tư lệnh Quân khu Tả Ngạn, Lê Văn Kỳ, Cục trưởng Cục Vận tải đường biển, Lê Đức Thịnh, Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố Hải Phòng làm ủy viên.

Trên cơ sở kinh nghiệm trong chống phong tỏa những năm trước, Bộ Tư lệnh Hải quân triển khai ngay việc thành lập bộ phận nghiên cứu chống địch phong

---

<sup>3</sup> Tháng 2 năm 1970, Quân chủng Hải quân thôi kiêm Quân khu Đông Bắc và Quân khu Đông Bắc được Bộ Quốc phòng quyết định chuyển về sáp nhập với Quân khu Tả Ngạn.

tỏa bằng thủy lôi và bom từ trường gồm các cán bộ khoa học quân sự, khoa học kỹ thuật hải quân và một số cán bộ kỹ thuật của Trường Đại học Bách Khoa, Viện Kỹ thuật quân sự... được Nhà nước tăng cường cho Quân chủng Hải quân; nhanh chóng làm việc với Bộ Tư lệnh Quân khu Tả Ngạn, Ủy ban hành chính thành phố Hải Phòng, tỉnh Quảng Ninh, các ngành của Bộ Giao thông vận tải, cảng Hải Phòng, Công an vũ trang Hải Phòng... để triển khai phương án hiệp đồng rà phá thủy lôi, bom từ trường và các nội dung công tác kế hoạch quân sự, chính trị trong nhiệm vụ chống phong tỏa.

Xác định rõ, chống phong tỏa là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng mang tính chiến lược, đột xuất trước mắt, rất cấp bách, rất khó khăn, phức tạp, nên với tinh thần hết sức khẩn trương, tích cực và chủ động, Thường vụ Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Hải quân đã lãnh đạo tập trung huy động mọi lực lượng cùng tham gia thực hiện. Bộ Tư lệnh đã quyết định thành lập tiểu đoàn tàu rà phá thủy lôi và đại đội công binh hàng hải thuộc các trung đoàn 171, 172; tăng cường trang bị vũ khí đánh trả máy bay và khí tài rà phá thủy lôi cho Trung đoàn 128; nâng cấp các phân đội công binh hàng hải ở Khu vực 2, Khu vực 3, Khu vực 4 thành các đại đội và chỉ đạo các xưởng đây mạnh sản xuất phương tiện rà phá. Đồng thời chỉ đạo Bộ Tham mưu của Quân chủng xây dựng kế hoạch hiệp đồng rà phá giữa Hải quân với lực lượng của các quân khu, binh chủng và địa phương có liên quan. Thường vụ Đảng ủy, Bộ Tư lệnh giao cho lực lượng Công binh Hải quân cùng Trung đoàn 171 chủ động hiệp đồng với lực lượng của Quân khu Tả Ngạn, Công an vũ trang Hải Phòng, Cục Vận tải đường biển và nhân dân các địa phương khẩn trương tìm kiếm, trục vớt, tháo gỡ để xác minh xem địch thả loại thủy lôi gì và tìm hiểu, khám phá bằng được những cải tiến mới của các loại vũ khí mà địch sử dụng phong tỏa, để trên cơ sở đó nghiên cứu chế tạo các loại khí tài rà phá có hiệu quả.

Để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả ba thứ quân, của các ngành, cơ quan trong và ngoài quân đội, Quân chủng Hải quân đã tổ chức nhiều cuộc họp liên tịch với các quân khu, quân chủng, binh chủng, các cơ quan kinh tế biển của Nhà nước và cấp ủy Đảng, chính quyền các tỉnh ven biển bàn, triển khai các biện pháp chống địch phong tỏa, bảo đảm an toàn giao thông. Quân chủng đã mở hàng chục lớp tập huấn, bồi dưỡng những kiến thức cơ bản về âm mưu, thủ đoạn phong tỏa của địch, về đặc điểm cấu tạo, tính năng tác dụng của vũ khí thủy lôi, bom từ trường của địch, phương châm, biện pháp kỹ thuật và phương thức tổ chức lực lượng của ta chống phong tỏa. Đồng thời, cử hàng trăm lượt cán bộ, chiến sĩ hải quân đến các địa phương ven biển giúp tổ chức, huấn luyện về kỹ thuật quan sát, phát hiện và cách rà phá, tháo gỡ thủy lôi cho hàng nghìn lượt cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ, công an vũ trang. Phòng Bảo đảm hàng hải và xưởng 48 Hải quân đã gấp rút sản xuất hàng trăm bộ máy đo phương vị, hàng trăm chiếc phao tiêu để trang bị cho lực lượng rà phá thủy lôi của các đơn vị và địa phương. Dọc ven biển từ Quảng Ninh đến Quảng Bình, Vĩnh Linh, Quân chủng Hải quân và Quân khu Tả Ngạn, Quân khu 4 cùng các tỉnh đã tổ chức được hơn 1.000 đài, trạm quan sát thủy lôi, hàng chục trận địa pháo, sẵn sàng đánh trả máy bay, tàu chiến địch và rà phá thủy lôi của chúng. Các quân khu và Cục Vận tải đường biển, Ty bảo đảm hàng hải Hải Phòng có những đội công binh và lực lượng chuyên trách nghiên cứu rà phá, tháo gỡ thủy lôi, bom từ trường.

Do dự báo trước và chủ động tiến hành sớm công tác chuẩn bị nên ngày 09 tháng 5 năm 1972, chỉ vài giờ sau khi địch thả thủy lôi ở luồng Nam Triệu (Hải Phòng), Bộ Tư lệnh Hải quân đã điều ngay lực lượng đến rà phá. Cán bộ, chiến sĩ tàu 150 thuộc Trung đoàn 171 Hải quân đã dũng cảm cho tàu chạy nhiều vòng trên bãi lôi để xác minh và tìm cách rà phá, nhưng khí tài mà ta đã có không phát huy tác dụng đối với các loại thủy lôi, bom từ trường mới của địch. Ngày 10 tháng 5 năm 1972, được tin một số xã viên hợp tác xã đánh cá Tràng Cát phát hiện quả thủy lôi ở tây bắc Đền Nôm (lôi vào cảng Hải Phòng), Bộ Tư lệnh Hải quân cấp tốc điều một số tàu, ca nô, người nhái, công binh, thợ lặn đến khu vực để tìm cách trục vớt, tháo gỡ. Được bà con ngư dân dẫn đường, sau bốn ngày tìm kiếm, lặn mò vất vả, căng thẳng, song với tinh thần dũng cảm, thông minh trong nghiên cứu, tìm tòi, ngày 15 tháng 5 năm 1972, đồng chí Trương Thế Hùng cùng một số cán bộ, chiến sĩ thuộc Đội 8 Công binh và đồng chí Vê thuộc Trung đoàn 171 Hải quân đã tháo gỡ thành công, “bắt sống” được quả thủy lôi đầu tiên trong cuộc phong tỏa lần thứ hai của đế quốc Mỹ. Đây là quả thủy lôi MK-52 đã được cải tiến mới rất tinh vi, nặng tới 544 kg và có sức công phá rất mạnh. Khi được thả xuống nước, có một áp lực lớn tác động đầu nổ sẽ tự động chuyển vào trạng thái chiến đấu. Ngoài nguyên lý nổ do tác động của các trường vật lý, thủy lôi còn được cài đặt chương trình tự nổ hủy nếu sau khoảng 90 ngày kể từ khi được thả không gặp phương tiện tàu thuyền đi qua.

Quả thủy lôi bị “bắt sống” đã lập tức được đưa tới Xưởng 46 Hải quân, nơi các cán bộ kỹ thuật của Quân chủng và một số cán bộ của Viện Kỹ thuật Quân sự, Trường Đại học Bách Khoa, Bộ Tư lệnh Công binh, Bộ Giao thông vận tải và Cục Công nghiệp thành phố Hải Phòng thường trực nghiên cứu để xác định nguyên lý nổ của thủy lôi và thiết kế khí tài rà phá.

Cùng với việc lãnh đạo tập trung nghiên cứu chế tạo phương tiện rà phá mới, Bộ Tư lệnh Hải quân phối hợp với Bộ Tư lệnh Quân khu Tả Ngạn, Cục Vận tải đường biển, các đơn vị lực lượng vũ trang Hải Phòng lãnh đạo các lực lượng tăng cường củng cố mạng lưới quan sát phát hiện thủy lôi, chủ động phát huy sáng kiến, tìm cách phá gỡ thủy lôi, bom mìn bằng cải tiến những khí tài đã có trong cuộc chống phong tỏa lần thứ nhất của địch. Kết hợp các biện pháp dò tìm, tháo gỡ; thả bọc phá, bom chìm, bắn pháo để kích nổ và phóng từ để rà phá thủy lôi. Ngày 16 tháng 5 năm 1972, cán bộ, chiến sĩ ta đã phá nổ 3 quả bom từ trường. Từ ngày 24 đến 31 tháng 5, ta tiếp tục rà phá nổ được 10 quả nữa. Mặc cho máy bay địch đánh phá, các đơn vị, lực lượng của ta vừa chiến đấu đánh trả chúng vừa rà phá để nhanh chóng thông luồng, đồng thời tích cực tìm đường vòng tránh để bảo đảm cho các hoạt động vận tải; tận dụng mọi phương tiện thô sơ, hiện đại, kết hợp giữa yếu tố sức mạnh con người với trang bị kỹ thuật, kiên trì, bình tĩnh, dũng cảm, bí mật, an toàn; vừa chiến đấu vừa rút kinh nghiệm để đánh thắng cuộc phong tỏa của địch.

Các đơn vị Khu vực 2, Khu vực 3, Khu vực 4, Khu vực 5 của Hải quân (gọi tắt là K2, K3, K4, K5) với những khí tài sẵn có đã tích cực rà phá, tháo gỡ, mở luồng ở những cửa sông từ Cửa Hội đến Cửa Tùng. Đến ngày 18 tháng 5 năm 1972, lực lượng của K4 đã mở thông luồng từ cảng Gianh đến khu chuyển tải Hòn La. Đó là thành tích thông luồng đầu tiên của hải quân cũng là của quân, dân miền Bắc trong chống cuộc phong tỏa sông, biển lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

Bộ Tư lệnh Hải quân cũng đã huy động cao nhất năng lực quốc phòng của Quân chủng gồm lực lượng nghiên cứu kỹ thuật, các xưởng 46, 48, 56 cùng với các nhà máy đóng tàu Bạch Đằng, Nhà máy cơ khí Duyên Hải, xưởng cơ khí của Ty bảo đảm hàng hải Hải Phòng, xưởng 25 của Cục Vận tải đường biển... đẩy mạnh nghiên cứu, chế tạo các loại thiết bị phá gỡ thủy lôi của địch. Thi đua với cán bộ, chiến sĩ trực tiếp rà phá ở thực địa, cán bộ, công nhân các xưởng Hải quân cùng với những cán bộ kỹ thuật ở bộ phận thường trực nghiên cứu đã làm việc suốt ngày đêm tìm tòi, sáng chế các thiết bị rà phá có hiệu quả để đánh thắng cuộc phong tỏa hết sức hiểm độc của địch. Kết quả là, từ cuối tháng 5 đến tháng 7 năm 1972, ta đã nghiên cứu, thử nghiệm thành công và cho ra đời những chiếc máy phóng từ hiện đại mang ký hiệu 480 và 311 có kết cấu gọn nhẹ có thể lắp trên các phương tiện tàu, xe, ca nô để phá bom từ trường mang đầu nổ MK42 và chế tạo các khung dây gậy biến thiên từ trường lớn dùng tàu tuần tiểu 50 tấn kéo để phá thủy lôi MK-52 của địch. Đồng thời cán bộ kỹ thuật của Quân chủng cũng đã cải tiến thành công tàu vận tải đổ bộ lắp đặt thiết bị phóng từ mạnh để phá các loại thủy lôi. Cũng trong thời gian này, xưởng cơ giới cảng Hải Phòng và Ty Bảo đảm hàng hải Hải Phòng đã sản xuất hàng loạt cuộn phóng từ trang bị cho các đơn vị công binh và dân quân tự vệ địa phương.

Từ kết quả nghiên cứu, đúc rút kinh nghiệm thực tế ở các đơn vị và lực lượng rà phá, Thường vụ Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Hải quân xác định, để chống cuộc phong tỏa của địch cần phải kết hợp các phương pháp cơ bản là: dùng lực lượng công binh để dò lặn, tháo gỡ thủy lôi; dùng bộc phá và bom nổ để kích nổ thủy lôi; kết hợp sử dụng các phương tiện rà quét thô sơ, kéo khung nam châm với các khí tài phóng từ loại nhẹ và loại mạnh để phá thủy lôi và bom từ trường, trong đó sử dụng các phương tiện khí tài phóng từ loại nhẹ và loại mạnh để rà phá là chủ yếu.

Việc nghiên cứu, chế tạo thành công các thiết bị, phương tiện phóng từ rà phá thủy lôi đã củng cố ý chí, quyết tâm chiến đấu, tạo ra động lực to lớn cho lực lượng Hải quân cũng như các lực lượng hiệp đồng khác phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chống phong tỏa.

Từ tháng 7 năm 1972, cuộc chiến đấu chống phong tỏa được phát triển rộng khắp trên các vùng sông, biển miền Bắc. Lực lượng rà phá của ba thứ quân với những phương tiện, khí tài mới được trang bị, bố trí ở nhiều nơi để kịp thời tiến hành rà phá thủy lôi, bom mìn, nhằm phá tan vòng vây phong tỏa của địch.

Để đẩy mạnh hơn nữa cuộc chiến đấu chống phong tỏa, ngày 17 tháng 7 năm 1972, Đảng ủy Quân chủng Hải quân tổ chức quán triệt các chủ trương, chỉ thị mới của cấp trên, đánh giá, rút kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ và ra Nghị quyết chuyên đề về chống địch phong tỏa. Quân chủng tiếp tục khẳng định chống phong tỏa là nhiệm vụ trung tâm số một của Quân chủng trong lúc này, cần huy động tất cả các lực lượng có thể được để tập trung thực hiện nhiệm vụ. Quân chủng đã huy động 352 lượt chiếc tàu, đảm nhiệm rà phá trên những địa bàn quan trọng; giao cho Trung đoàn 172, Trung đoàn 128 và Trường Sĩ quan Hải quân phụ trách rà phá ở vùng biển Đông Bắc, có nhiệm vụ mở luồng vận chuyển huyết mạch từ Hải Phòng đến biên giới phía Bắc, mở thông các luồng chính từ các khu vực Hòn Gai, Cẩm Phả đến Cửa Ông; các đơn vị K2, K3, K4, K5 phụ trách rà phá, mở luồng ở các cửa sông và khu chuyên tải ven biển từ Thanh Hóa đến Vĩnh Linh, Cửa Việt; Trung đoàn 171 phụ trách rà phá ở khu vực trọng điểm Hải Phòng, tập trung khai

thông luồng chính Nam Triệu và các luồng Lạch Huyện - Cát Bà, Cửa Cấm - Đồ Sơn; Đội 8 Công binh và lực lượng người nhái Trung đoàn 126 Đặc công tăng cường cho nhiệm vụ rà phá, tháo gỡ ở những khu vực quan trọng theo sự chỉ đạo cụ thể của Bộ Tư lệnh Quân chủng.

Phát hiện ta tập trung lực lượng, phương tiện rà phá, tháo gỡ thủy lôi trên các luồng vận chuyển, đế quốc Mỹ tìm mọi cách để đối phó. Một mặt, chúng cho máy bay, tàu chiến đánh phá liên tục ở các khu vực trọng điểm hòng ngăn chặn các lực lượng rà quét thủy lôi, bom mìn; mặt khác, chúng tăng cường cải tiến các loại thủy lôi, bom từ trường để hạn chế ta rà quét, tháo gỡ, đồng thời tiếp tục thả hàng nghìn quả xuống các vùng ven biển, hải cảng, các luồng, cửa sông, biển của ta. Chỉ trong vài ngày cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 1972, địch đã thả bổ sung hơn 1.400 quả thủy lôi, bom từ trường xuống các tuyến vận chuyển quan trọng, gây cho ta thêm những khó khăn, thiệt hại mới.

Do điều kiện khó khăn về vật tư, các cơ sở của ta không đáp ứng được đầy đủ, kịp thời những thiết bị rà phá nên Quân chủng Hải quân đã đề nghị Ban Chỉ đạo chống phong tỏa của Chính phủ đặt xưởng cơ khí Trạm Giang của Trung Quốc sản xuất giúp 4 ca nô phóng từ, 200 bộ thiết bị rà phá loại 480 và 100 bộ loại 311 theo thiết kế của ta để cung cấp cho các đơn vị, lực lượng làm nhiệm vụ rà phá. Đồng thời cũng đề nghị hải quân nước bạn hỗ trợ giúp đỡ việc rà phá thủy lôi để giải phóng nhanh các luồng lạch, phục vụ cho hoạt động vận chuyển của ta. Nhờ có sự giúp đỡ quốc tế quý báu này, chúng ta đã cung cấp kịp thời các trang bị cho lực lượng rà phá thủy lôi. Từ tháng 8 năm 1972, sát cánh với lực lượng Hải quân ta làm nòng cốt chủ lực còn có một biên đội gồm 9 tàu quét mìn, 6 ca nô phóng từ và một tổ thợ lặn 20 người của Hải quân Trung Quốc giúp sức cùng rà phá, nghiên cứu tháo gỡ thủy lôi. Tháng 9 năm 1972, Liên Xô cũng đưa 40 cố vấn về bom mìn và một tổ thợ lặn 10 người cùng với các thiết bị lặn sang giúp chúng ta nghiên cứu rà phá, tháo gỡ thủy lôi, bom từ trường.

Cuộc chiến đấu chống phong tỏa diễn ra ngày càng căng thẳng, quyết liệt. Địch không những đánh phá, ngăn cản hoạt động rà phá, tháo gỡ mà còn tăng cường đánh phá các trạm quan sát để ta không theo dõi, đánh dấu được những địa điểm thả thủy lôi. Chúng thay đổi thủ đoạn nghi binh, hoạt động mạnh ở hướng này nhưng lại lén lút đến rải thủy lôi ở một hướng khác. Ngoài việc dùng máy bay lừng sục đánh phá các tàu thuyền rà phá của ta cả ngày và đêm, địch còn đưa tàu chiến vào sát những khu vực ven biển để bắn pháo uy hiếp, ngăn chặn và sát thương lực lượng rà phá thủy lôi; đồng thời chúng tích cực cải tiến, “gài bẫy” chống tháo gỡ, không cho ta tiếp cận được những quả thủy lôi của chúng. Song dù địch dùng bất cứ phương thức, thủ đoạn mới nào thì cán bộ, chiến sĩ và quần, dân ta cũng kiên quyết đánh thắng. Bộ Tư lệnh Hải quân đã tổ chức, động viên các đơn vị, lực lượng của Quân chủng nêu cao tinh thần tích cực, chủ động, không sợ hy sinh, quyết tâm rà phá, mò vớt, tháo gỡ thủy lôi, bom mìn của địch, kịp thời tìm ra những cải tiến mới của chúng và phổ biến cách đề phòng, kỹ thuật phương pháp tháo gỡ cho các đơn vị, lực lượng và nhân dân.

Quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo: “Tích cực, chủ động, anh dũng, mưu trí sáng tạo, khắc phục khó khăn, khản trương, kiên trì, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng, nắm vững kỹ thuật, bí mật, bất ngờ”; với tinh thần quyết tâm “đánh địch mà tiến, mở luồng mà đi”, “dũng cảm tiến công, vừa làm vừa học, qua làm mà học để nâng cao trình độ, phát huy sáng tạo tập thể...”, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị Hải



quân luôn thể hiện ý chí kiên cường, dũng cảm, liên tục bám sát hiện trường rà phá; đã mò vót, tháo gỡ được nhiều quả lô, khám phá ra bí mật của chúng và liên tiếp các bãi lô của địch bị phá hủy. Đêm đêm dưới ánh sáng đèn dù và bom đạn của địch, các tàu rà phá của ta không ngừng hoạt động, quần đi quần lại trên các bãi thủy lôi suốt từ vùng biển Quảng Ninh và Hải Phòng đến Quân khu 4. Có nơi địch vừa thả ban ngày, đến tối ta đã rà phá ngay. Có nơi ta vừa khai thông luồng thì máy bay của chúng lại lao đến dội bom, thả thủy lôi. Trong tháng 9 năm 1972, Quân chủng Hải quân đã huy động 87 lượt tàu rà phá với chiều dài hành trình trên các bãi thủy lôi lên tới 3.721 hải lý, phá nổ hàng trăm quả. Ngày 13 tháng 9 khai thông luồng sông Chanh - Lạch Huyện, tiếp đến là luồng Cửa Cấm - Đồ Sơn và bảo đảm an toàn cho các tuyến vận chuyển than, vận tải Hải Phòng - Quảng Ninh, góp phần làm cho khối lượng hàng hóa được vận chuyển tăng từ 2.600 tấn trong tháng 6 lên 10.000 tấn trong tháng 9. Cuối tháng 9 năm 1972, luồng Cửa Hội - Bến Thủy và luồng sông Gianh, ở bên phà số 1 tiếp tục được khai thông lần thứ hai.

Ngày 4 tháng 10 năm 1972, địch lại thả bổ sung 400 quả thủy lôi, bom từ trường xuống luồng vận chuyển Quảng Ninh - Hải Phòng. Quân chủng Hải quân đã tổ chức lực lượng, phương tiện tập trung rà phá mở luồng trong thời gian nhanh nhất, bảo đảm cho vận chuyển chi viện chiến trường.

Bị thất bại nặng nề trên cả hai miền Nam - Bắc, đặc biệt là bị thiệt hại hơn 600 chiếc máy bay các loại trong hơn 6 tháng gây chiến tranh phá hoại lần thứ hai bằng không quân và hải quân, trong đó có chiếc máy bay thứ 4.000 bị bắn rơi trên miền Bắc nước ta, ngày 22 tháng 10 năm 1972, lại một lần nữa Tổng thống Mỹ Ních-xon phải tuyên bố ngừng ném bom và bắn phá miền Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 20 trở ra. Đây là một thuận lợi mới để chúng ta có điều kiện tập trung giải quyết nhanh hơn việc rà phá, bảo đảm thông luồng cho các phương tiện vận tải thủy hoạt động được an toàn.

Trước thời cơ mới, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Hải quân tiếp tục khẳng định: Rà phá thủy lôi giải phóng luồng lạch đảm bảo giao thông là yêu cầu khẩn trương, cấp thiết bậc nhất, có ý nghĩa lớn về chính trị, quân sự, kinh tế. Cần tập trung mở luồng ở các khu vực trọng điểm Hải Phòng, Quảng Ninh, các cửa sông ở Quân khu 4, Cửa Hội, sông Gianh, Nhật Lệ, Mũi Lay... Tranh thủ thời gian địch tạm ngừng đánh phá, Quân chủng đã huy động 23 tàu, ca nô của các trung đoàn 128, 171, 172 và Trường Sĩ quan Hải quân phối hợp cùng với lực lượng chống phong tỏa của Quân khu Tả Ngạn, Không quân, Cục Vận tải đường biển, các địa phương và biên đội tàu của Hải quân Trung Quốc cùng tham gia ngày đêm rà phá lô ở khu vực trọng điểm Hải Phòng, Quảng Ninh. Đã phá hủy được hàng chục quả thủy lôi, khai thông các luồng cho tàu thuyền hoạt động và đến ngày 24 tháng 10 năm 1972, luồng Nam Triệu đã khai thông, bảo đảm các tàu dưới 400 tấn ra vào cảng Hải Phòng an toàn. Trên địa bàn Quân khu 4, nhất là ở phía Nam Khu 4 vẫn trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, cán bộ, chiến sĩ ta đã kiên cường bám trận địa, tích cực rà phá kịp thời thông luồng cho tàu thuyền nhỏ đi lại.

Với bản chất hết sức phản động, hiếu chiến và thái độ ngoan cố, lật lọng của đế quốc Mỹ, Hội nghị Pa-ri về lập lại hòa bình ở Việt Nam bị bế tắc. Ngày 18 tháng 12 năm 1972, Mỹ mở chiến dịch Lai-nơ Béch-cơ II, một cuộc tập kích đường không chiến lược quy mô lớn nhất vào miền Bắc nước ta; huy động một số lượng lớn máy bay chiến lược B52 và máy bay chiến thuật hiện đại F111 đánh phá

tập trung, ồ ạt vào Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên và các trọng điểm giao thông, chân hàng lớn của ta; ném bom bừa bãi cả vào bệnh viện, trường học, nhà ga, khu phố, bến xe... làm 2.368 người chết, 3.526 người bị thương; tiếp tục thả hàng loạt thủy lôi xuống cửa Nam Triệu, cảng Hải Phòng, luồng Lạch Miều vào Hòn Gai, luồng Hang Trống vào Cửa Ông... Song cuộc tập kích gây biết bao tội ác từ ngày 18 đến 29 tháng 12 năm 1972 của chúng đã bị quân, dân ta đập tan, làm nên chiến thắng lịch sử “Điện Biên Phủ trên không” vang dội; 81 máy bay của đế quốc Mỹ xâm lược đã bị bắn rơi trong đó có 34 máy bay B52 là con “át chủ bài” của không lực Hoa Kỳ và 5 máy bay F111 cánh cụp cánh xòe đã phải đền tội. Tuy nhiên, đến ngày 15 tháng 01 năm 1973 chúng mới chấm dứt việc thả thủy lôi ở khu vực sông biển phía Nam Quân khu 4.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng, Chính phủ và chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng Tư lệnh, cán bộ, chiến sĩ Hải quân trên mặt trận chống phong tỏa tiếp tục vượt qua mọi hy sinh gian khổ, cùng với các lực lượng vừa dũng cảm chiến đấu đánh trả máy bay địch, vừa mưu trí, linh hoạt, bất kể ngày đêm, kiên cường rà phá thủy lôi quyết tâm phá tan đầu thông luồng nhanh, bảo đảm cho “mạch máu” giao thông trên các luồng lạch sông, biển được thông suốt, an toàn.

Ngày 18 tháng 01 năm 1973, Bộ Tư lệnh Hải quân phối hợp với Cục Vận tải đường biển tổ chức rà quét khai thông luồng Nam Triệu vào cảng Hải Phòng, bảo đảm cho các tàu thuyền hàng ngàn tấn của ta và quốc tế ra vào cảng an toàn.

Thắng lợi của việc rà phá thủy lôi ở khu vực Hải Phòng và các vùng sông, biển khác trên miền Bắc đã góp phần đánh bại cuộc tập kích đường không chiến lược của đế quốc Mỹ, cùng với những chiến thắng của quân, dân ta trên chiến trường miền Nam đã buộc Mỹ phải chấp nhận sự thất bại nhục nhã, quay lại bàn đàm phán. Ngày 27 tháng 01 năm 1973 chúng đã phải ký Hiệp định Pa-ri cam kết tôn trọng độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, chấm dứt dính líu về quân sự, rút hết quân của Mỹ và các nước đồng minh Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Đế quốc Mỹ đã rút lui, nhưng hậu quả mà chúng để lại còn vô cùng nặng nề. Ở miền Nam, ngụy Sài Gòn, tay sai của Mỹ vẫn chưa bị “nhào”, vẫn tiếp tục gây ra những tội ác với đồng bào cùng dòng dõi Việt. Ở miền Bắc, cuộc chiến đấu chống phong tỏa vẫn đang còn tiếp diễn; hàng ngàn quả thủy lôi và bom từ trường của Mỹ vẫn còn nằm rải rác trên các luồng lạch sông, biển cần phải được rà phá, tháo gỡ.

Ngay sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng giao cho Quân chủng Hải quân nhiệm vụ rất cấp bách là lập đề án, tổ chức lực lượng rà phá thủy lôi, bom từ trường của địch thả trong chiến tranh, bảo đảm an toàn hệ thống giao thông thủy để phục vụ công cuộc khôi phục, xây dựng kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và củng cố quốc phòng; đồng thời giám sát mọi hoạt động của lực lượng hải quân Mỹ vào rà phá thủy lôi ở vùng biên miền Bắc theo quy định của Hiệp định Pa-ri.

Nhận thức rõ trách nhiệm trước yêu cầu cấp bách của tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Hải quân quyết định huy động toàn bộ lực lượng rà phá thủy lôi của Quân chủng phối hợp với các lực lượng chống phong tỏa của các đơn vị trong và ngoài quân đội, tiến hành rà quét, giải quyết triệt để các bãi thủy lôi của địch với tinh thần tích cực nhất, bảo đảm an toàn

tuyệt đối cho các phương tiện giao thông đi lại trên các luồng lạch, cảng, vịnh, phục vụ cho công cuộc củng cố, xây dựng và phát triển đất nước.

Tại Nam Triệu, luồng chính vào cảng Hải Phòng là nơi bị địch phong tỏa ác liệt nhất, lực lượng rà quét của Hải quân đã tích cực rà phá, liên tục kiểm tra mở luồng và sau khi kết thúc rà quét kiểm tra, thông luồng, cuối tháng 01, đầu tháng 02 năm 1973 đã dẫn dắt, hộ tống an toàn các tàu trọng tải lớn của Nhà nước qua lại; tiếp theo đó là hướng dẫn, đưa hàng chục chiếc tàu trọng tải hàng ngàn tấn, có chiếc hơn một vạn tấn của Cu-Ba, Liên Xô, Trung Quốc... theo luồng Nam Triệu vào cảng Hải Phòng an toàn.

Giữa tháng 3 năm 1973, Bộ Tư lệnh Hải quân tổ chức hội nghị hiệp đồng rà phá thủy lôi giữa Quân chủng với Quân khu Tả Ngạn, Quân khu 4, Công an nhân dân vũ trang, Cục Vận tải đường biển và các cơ quan nghiên cứu kỹ thuật của nhà nước, quân đội. Hội nghị đề ra mục tiêu rà quét, giải quyết triệt để, không để bỏ sót một quả bom mìn chưa nổ nào trên các luồng vận chuyển. Mỗi đơn vị được phân công rà quét trên một khu vực, bảo đảm phá hết thủy lôi địch và tổ chức kiểm tra tất cả những khu vực còn nghi ngờ có thủy lôi địch chưa nổ, dẫn đường, hộ tống các tàu ra vào cảng.

Trên cơ sở đề án chung và kế hoạch hiệp đồng, Quân chủng Hải quân tiếp tục xác định là lực lượng giữ vai trò nòng cốt chủ lực trong chiến dịch rà phá thủy lôi. Bộ Tư lệnh Quân chủng đề ra kế hoạch cụ thể là: tiếp tục rà quét, mở các luồng chính, bảo đảm cho tàu thuyền trong nước và nước ngoài ra vào cảng Hải Phòng, Hòn Gai, Cẩm Phả, Bến Thủy, Sông Gianh, Nhật Lệ; nhanh chóng rà quét mở các luồng cửa sông và các khu vực đánh cá để bảo đảm sự đi lại làm ăn của nhân dân, trước hết là các khu vực cửa sông Văn Úc, Cửa Cẩm, Trà Lý, Ba Lạt...; kiểm tra, rà quét hết những khu vực nghi ngờ còn có lôi và làm nhiệm vụ hộ tống dẫn đường cho tàu ra vào ở những khu vực trọng điểm; giao cho từng đơn vị phụ trách từng khu vực cụ thể.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ, Bộ Tư lệnh Hải quân gấp rút tổ chức xây dựng lực lượng kết hợp với đẩy mạnh công tác huấn luyện bổ sung. Các tiểu đoàn thuyền chiến đấu ở khu vực sông Mã, sông Gianh, Cửa Việt được củng cố và trang bị các loại máy phóng từ. Mỗi khu vực có một đại đội công binh hàng hải làm nhiệm vụ rà phá, tháo gỡ thủy lôi, bảo đảm hàng hải. Nơi nào có mật độ thủy lôi dày đặc thì được tăng cường thêm một số tàu phóng từ mạnh để rà quét. Trung đoàn 171 được trang bị khí tài, kỹ thuật mạnh là lực lượng rà quét chủ yếu ở khu vực biển Hải Phòng, Đông Bắc và tăng cường cho các khu vực khác khi cần thiết. Tàu thuyền của các trung đoàn 128, 172, Trường Sĩ quan Hải quân được củng cố, trang bị thêm máy móc và phá lôi. Đội 8 công binh được bổ sung quân số và tăng cường các phương tiện tháo gỡ làm nhiệm vụ rà phá ở trên bờ, mép nước và những nơi trọng điểm xây dựng công trình theo yêu cầu của các khu vực. Tham mưu trưởng Hải quân trực tiếp chỉ đạo việc tổ chức huấn luyện cho các đơn vị, lực lượng về tính năng kỹ thuật, chiến thuật của phương tiện rà phá, về chiến thuật tổ chức chỉ huy và kế hoạch hiệp đồng rà phá...

Từ ngày 10 tháng 3 năm 1973, lực lượng tàu quét thủy lôi của Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 171 và các đơn vị bạn đã chia ô, khoanh vùng trên khu vực luồng Lạch Miều vào Hòn Gai, thận trọng và đi quét lại trên từng khu vực, phá nổ 11 quả thủy lôi, khai thông luồng trước ngày 15 tháng 3.

Ở luồng Hang Trống - Đồng Tráng vào cảng Cửa Ông, sau một tuần rà quét, kiểm tra, ngày 30 tháng 3 năm 1973 đã hoàn thành thông luồng và ngày 31 tháng 3, tàu hải quân ta hộ tống một tàu lớn của Liên Xô ra biển an toàn. Tại luồng Cửa Vạn vào Hòn Gai, lực lượng của Quân chủng tiếp tục rà quét, kiểm tra hai bên hàng phao dẫn luồng và hộ tống tàu lớn nước ngoài ra vào; đến cuối tháng 3 có hơn 40 lần chiếc tàu lớn vào cảng Hòn Gai an toàn.

Cùng với lực lượng của Quân chủng Hải quân, lực lượng rà phá của các quân khu ven biển và cơ quan nhà nước cũng được huy động đến những khu vực được phân công, góp phần nhanh chóng phá gỡ hết thủy lôi, bom mìn của địch trên toàn bộ các cửa sông và vùng ven biển miền Bắc.

Theo Hiệp định Pa-ri, Mỹ phải có trách nhiệm đưa lực lượng và cung cấp phương tiện để rà phá hết thủy lôi, bom mìn đã phong tỏa ở miền Bắc Việt Nam. Để đấu tranh buộc Mỹ phải thi hành nghiêm chỉnh việc rà quét thủy lôi, bom mìn, trả lại sự an toàn cho sông, biển miền Bắc như quy định trong Hiệp định, Chính phủ ta đã thành lập Đoàn đại biểu đàm phán với Mỹ gồm 8 người do đồng chí Hoàng Hữu Thái - Phó Tư lệnh Hải quân làm trưởng đoàn. Đầu tháng 02 năm 1973, Thượng tá Hoàng Hữu Thái - Phó Tư lệnh Hải quân, trưởng đoàn đàm phán của Việt Nam đã họp bàn cùng với Chuẩn đô đốc Mắc-cao-ly, trưởng đoàn đàm phán của Chính phủ Mỹ về tổ chức rà phá thủy lôi ở miền Bắc nước ta. Với sự đấu tranh khôn khéo và kiên quyết của ta, buộc phía Mỹ phải nhanh chóng tổ chức lực lượng đặc nhiệm để “kéo cây trả nợ”.

Cùng với việc tập trung lực lượng rà quét, giải quyết hậu quả thủy lôi của địch, Quân chủng Hải quân còn được giao nhiệm vụ bố trí một bộ phận cán bộ, chiến sĩ kiểm tra, giám sát lực lượng Hải quân Mỹ tiến hành rà quét thủy lôi, bom mìn mà chúng đã thả ở miền Bắc và phối hợp với Bộ Tư lệnh Quân khu Tả Ngạn và Bộ Tư lệnh 350 kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của biên đội tàu Mỹ ở khu vực Hải Phòng.

Ngày 06 tháng 02 năm 1973, lữ đoàn đặc nhiệm mang phiên hiệu “Biên đội đặc nhiệm 78” gồm 5.003 sĩ quan, binh lính với 44 tàu chiến và tàu quét mìn, 45 máy bay lên thẳng cùng nhiều phương tiện kỹ thuật khác do Chuẩn Đô đốc Mắc-cao-ly, trưởng đoàn đại diện đàm phán của Chính phủ Mỹ về rà quét thủy lôi, bom mìn chỉ huy đã đến vùng biển Hải Phòng.

Mặc dù bị thất bại và phải “kéo cây trả nợ” nhưng với dã tâm phá hoại Hiệp định Pa-ri, phía Mỹ đã tỏ thái độ thiếu thiện chí, chậm trễ trong việc thực hiện trách nhiệm cung cấp cho ta những phương tiện, khí tài dò tìm và phá hủy thủy lôi, bom mìn. Biên đội đặc nhiệm của họ chỉ thực hiện rà phá ở phía ngoài biển, lần tránh việc phá gỡ thủy lôi, bom mìn ở các luồng sông trong nội địa miền Bắc. Ngày 28 tháng 02 năm 1973, họ tự ý di chuyển biên đội đặc nhiệm từ Long Châu xuống vùng biển Sầm Sơn, Tĩnh Gia (Thanh Hóa) mà không báo trước cho đoàn đại diện của Chính phủ ta. Phía Mỹ còn lợi dụng việc đưa lực lượng, phương tiện kỹ thuật vào rà phá thủy lôi để tiến hành các hoạt động tình báo. Một số nhân viên tình báo Mỹ núp dưới danh nghĩa phiên dịch, nhân viên đánh máy và điện đài... đã lợi dụng việc ta cho phép đi lại ra vào thành phố Hải Phòng để tìm cách tiếp cận các mục tiêu, chụp ảnh, thu thập tin tức về quân sự, kinh tế của ta ở các vùng ven biển, bờ biển và sâu trong nội địa thành phố. Tuy nhiên, mọi hành động đó của phía Mỹ đều đã bị quân, dân ta phát hiện, tố cáo, ngăn chặn kịp thời.

Trước sự đấu tranh kiên quyết và kiên trì giữ vững nguyên tắc của ta, ngày 06 tháng 3 năm 1973, phía Mỹ mới bắt đầu thực hiện việc rà quét ở khu vực Hải Phòng. Nhưng đến ngày 17 tháng 4 năm 1973, họ lại lấy cớ lực lượng ta ở miền Nam đánh chiếm vùng giải phóng để đình chỉ thực hiện theo thỏa thuận, rút biên đội đặc nhiệm của họ từ cảng Hải Phòng về cảng Su-bíc (Phi-lip-pin), hòng trốn tránh trách nhiệm, cố tình trì hoãn, kéo dài hậu quả của sự phong tỏa để gây khó khăn cho ta.

Tháng 6 năm 1973, đại diện Chính phủ ta gặp đại diện chính phủ Mỹ tại Pa-ri (thủ đô của Pháp) để đấu tranh đòi Mỹ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm theo thỏa thuận trong Hiệp định. Cuối cùng họ buộc phải ra thông báo: 1- Chấm dứt ngay hoàn toàn và không thời hạn việc trinh sát trên không trên lãnh thổ Việt Nam dân chủ cộng hòa. 2- Tiến hành trở lại việc quét mìn và hoàn thành tốt trong vòng 30 ngày; phía Mỹ phải ra thông cáo mỗi khi làm việc xong ở từng luồng lạch và ra thông báo cuối cùng khi đã hoàn thành toàn bộ công việc rà quét thủy lôi, bom mìn ở miền Bắc.

Ngày 18 tháng 6 năm 1973, biên đội đặc nhiệm 78 của Mỹ trở lại vùng biển Hải Phòng. Tuy nhiên, phía Mỹ vẫn có thái độ thiếu thiện chí, đưa ra những yêu sách ngang ngược, từ chối cấp thêm phương tiện rà phá cho ta theo thỏa thuận. Chúng ta đã kiên quyết đấu tranh, cực lực lên án và phản đối thái độ, hành động bất hợp tác của họ, cuối cùng phía Mỹ buộc phải tiếp tục thực hiện đầy đủ trách nhiệm rà quét ở vùng biển Hải Phòng. Tiếp đó, họ rà quét ở các luồng Nam Triệu, Lạch Huyện, Hòn Gai, Cầm Phả, Cửa Hội, Cửa Sốt, sông Gianh, Hòn La, Quang Hưng thuộc vùng biển các tỉnh Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình. Song với hơn nửa vạn quân và những phương tiện khí tài hiện đại gồm cả tàu chiến, tàu quét lôi, máy bay rà thủy lôi, máy phá thủy lôi bằng âm thanh, từ tính... nhưng kết quả trong 5 tháng, phía Mỹ chỉ phá nổ được 03 quả thủy lôi ở ngoài luồng Nam Triệu, nơi chúng ta chưa rà quét tới. Trong khi đó, họ đã bị tổn thất khá nặng: cháy 01 tàu quét mìn MSO, rơi và hỏng 04 máy bay lên thẳng CH-53, 01 xe trượt MK-105 và nhiều khí tài, dụng cụ rà phá bom mìn khác bị hỏng, 01 lính chết và 09 lính bị thương. Với ý định đưa lực lượng vào rà phá thủy lôi, bom mìn ở miền Bắc Việt Nam để phô trương thanh thế, khoe khoang kỹ thuật hiện đại của Mỹ, nhưng kết quả đã ngược lại, càng làm cho chúng thất bại nhục nhã hơn.

Trong khi đó, không chờ Mỹ đưa lực lượng và cung cấp phương tiện vào rà phá trả nợ, các lực lượng của quân và dân ta do Quân chủng Hải quân làm nòng cốt, chỉ với những phương tiện thô sơ, kết hợp với một số phương tiện kỹ thuật tương đối hiện đại do ta tự thiết kế, chế tạo, lực lượng không nhiều, đã tích cực, chủ động, mưu trí, sáng tạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ rà phá thủy lôi của địch. Trên các bãi thủy lôi ở khắp các cửa sông, cảng, vịnh miền Bắc, liên tục ngày đêm, các tàu thuyền rà phá của ta “cày đi, xới lại” ngang dọc hàng chục lần theo đúng yêu cầu kỹ thuật đề ra, có nơi tới gần trăm lần. Các chiến sĩ công binh hàng hải không ngại rét buốt, thay nhau mò lặn, rà tìm ở những nơi tàu thuyền rà phá không thể vào tới.

Tháng 4 và tháng 5 năm 1973, các tàu rà quét của Hải quân cùng lực lượng của các đơn vị trong và ngoài quân đội lần lượt rà quét ở các khu vực biển thuộc vịnh Hạ Long, Bái Tử Long, Cầm Phả, Thiên Môn, cửa Văn Úc (Hải Phòng) và một số địa điểm ở vùng biển Khu 4. Ở những khu vực trọng điểm kinh tế như Cửa

Ông, nhà máy điện Uông Bí, nhà máy phân đạm Hà Bắc và những nơi tàu rà quét không vào hoạt động được, Bộ Tư lệnh Hải quân đã điều động các tổ công binh, thợ lặn, người nhái đến rà tìm, mò vớt, tháo gỡ, phá hủy thủy lôi, bom mìn của địch. Tháng 6 năm 1973, Quân chủng đưa hai tàu V412 và V416 phóng từ cực mạnh đi rà quét kiểm tra từ vùng biển Thanh Hóa vào đến Quảng Bình. Trên tất cả các bãi thủy lôi không thấy có quả nào nổ nữa.

Ngày 27 tháng 6 năm 1973, Quân chủng tổ chức Hội nghị sơ kết giai đoạn 1, đánh giá thành tích đã đạt được nhờ sự nỗ lực cao của các lực lượng rà phá và khẳng định những ưu điểm, tiến bộ của các khí tài, phương tiện rà phá do ta sản xuất. Hội nghị xác định kết thúc giai đoạn rà phá, chuyển sang giai đoạn cuối cùng là giải quyết triệt để mọi hậu quả của thủy lôi địch, đề ra phương hướng trong thời gian tiếp theo là: quét sạch, giải quyết triệt để hậu quả thủy lôi địch, khai thông đường biển bảo đảm tiếp tục chi viện cho chiến trường miền Nam. Đến tháng 7 năm 1973, Quân chủng Hải quân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ làm nòng cốt chủ lực, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng khác rà quét, giải quyết hậu quả thủy lôi địch, nhanh chóng giải phóng luồng lạch, bảo đảm giao thông đường thủy kịp thời, an toàn, thông suốt.

Có thể nói trong cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ phong tỏa bằng thủy lôi và bom từ trường, lực lượng Hải quân đã có mặt ở khắp mọi nơi mà địch phong tỏa và luôn là nòng cốt chủ lực, tiên phong đi đầu từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc nhiệm vụ. Việc giải phóng luồng lạch nhanh chóng, an toàn chứng minh bước tiến mới về trình độ khoa học kỹ thuật và là thắng lợi có ý nghĩa to lớn về chính trị, quân sự, kỹ thuật của ta. Hải quân nhân dân Việt Nam đã cùng quân, dân miền Bắc phá được tất cả các loại thủy lôi, bom từ trường của đế quốc Mỹ thả xuống các vùng sông, biển, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa lần thứ hai của Mỹ trên miền Bắc, góp phần làm nên thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, buộc Mỹ phải “cút” khỏi Việt Nam.

Ngày 27 tháng 6 năm 1973 là ngày diễn ra Hội nghị sơ kết thực hiện nhiệm vụ, được xác định là dấu mốc lịch sử kết thúc thắng lợi nhiệm vụ của Quân chủng Hải quân trong chống đế quốc Mỹ phong tỏa bằng thủy lôi và bom từ trường lần thứ hai trên sông, biển miền Bắc Việt Nam - một trong những chiến công tiêu biểu trong quá trình xây dựng, chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành của Hải quân nhân dân Việt Nam anh hùng.

Trong cuộc chống phong tỏa lần thứ hai, Hải quân đã huy động trên 1.000 lần chiếc tàu, trong đó có 878 lần chiếc trực tiếp rà phá thủy lôi, bom từ trường ở hầu khắp các khu vực sông biển miền Bắc, tập trung nhất là khu vực trọng điểm Hải Phòng - Quảng Ninh. Với hơn 400 ngày đêm chiến đấu liên tục và vô cùng căng thẳng, quyết liệt, các tàu của Quân chủng đã hành trình hơn 13.000 hải lý trên các bãi thủy lôi của địch, đoàn kết, hiệp đồng chặt chẽ, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh, cùng với các lực lượng của quân dân ta phá nổ 4.495 quả thủy lôi và bom từ trường của địch (riêng Hải quân phá hủy 1.151 quả).

Tổng hợp cả hai cuộc chống địch phong tỏa, Quân chủng Hải quân đã cùng với quân, dân ta phá hủy được 13.346 quả thủy lôi và bom từ trường, đập tan âm mưu và hành động phong tỏa bằng thủy lôi và bom từ trường vô cùng thâm độc và xảo quyệt của đế quốc Mỹ trên sông, biển miền Bắc nước ta những năm 1967-1968 và 1972-1973.

Với chiến công xuất sắc trong rà phá thủy lôi, bom từ trường của địch, Tiểu đoàn 1 thuộc Trung đoàn 171 và Đội 8 Công binh Hải quân được Đảng, Nhà nước tuyên dương danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; 10 tập thể và 30 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Quân công và Huân chương Chiến công các hạng; 11 đồng chí được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1, trong đó có đồng chí Nguyễn Bá Phát, Tư lệnh Hải quân và các đồng chí Trương Thế Hùng, Nguyễn Công Tộ, Nguyễn Duy Khoái, Nguyễn Trọng Bích, Nguyễn Doanh Hải, Văn Hải, Đặng Đức Năng, Nguyễn Sĩ Trinh, Lê Văn Dinh, Hoàng Sơn.

Chiến công trong chống đế quốc Mỹ phong tỏa bằng thủy lôi và bom từ trường trên sông biển miền Bắc, bộ đội hải quân cùng với các lực lượng tham gia chống phong tỏa ở trong và ngoài quân đội đã ghi thêm vào lịch sử vẻ vang của dân tộc những chiến công vô cùng oanh liệt và những trang sử anh hùng trong thời đại mới; tiếp tục tô thắm, làm rạng rỡ truyền thống và cổ vũ, động viên toàn Quân chủng không ngừng phát huy truyền thống vẻ vang “Chiến đấu anh dũng; mưu trí, sáng tạo; làm chủ vùng biển; quyết chiến quyết thắng” của Hải quân nhân dân Việt Nam, góp phần cùng quân, dân cả nước tiến lên giành đại thắng mùa Xuân năm 1975, kết thúc thắng lợi sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

## **Phần thứ hai**

### **Ý NGHĨA LỊCH SỬ, BÀI HỌC KINH NGHIỆM RÚT RA TỪ CHIẾN CÔNG TRONG CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ PHONG TỎA SÔNG, BIỂN MIỀN BẮC BẰNG THỦY LÔI, BOM TỪ TRƯỜNG**

#### **1. Ý nghĩa lịch sử của Chiến công**

Chiến công chống đế quốc Mỹ phong tỏa sông, biển miền Bắc bằng thủy lôi và bom từ trường là một trong những chiến công tiêu biểu của Hải quân nhân dân Việt Nam và quân dân miền Bắc. Đó là chiến thắng của tư tưởng dám đánh, quyết đánh, biết đánh và quyết thắng; là chiến thắng của trí thông minh, lòng quả cảm đã sáng tạo ra nhiều cách rà phá, tháo gỡ để làm vô hiệu hóa thủy lôi và bom từ trường của địch. Đó là chiến thắng của sự kết hợp giữa kỹ thuật thô sơ và hiện đại với phát huy trí tuệ, ý chí, sức sáng tạo của con người, sự hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng trong và ngoài quân đội, trong đó Hải quân nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt chủ lực, tiên phong.

Đánh bại cuộc phong tỏa sông, biển miền Bắc bằng thủy lôi, bom từ trường của đế quốc Mỹ có ý nghĩa to lớn cả về quân sự và chính trị, đặc biệt là về khoa học công nghệ quân sự trên chiến trường sông, biển. Thắng lợi đó góp phần khẳng định bản lĩnh, trí tuệ và sức mạnh to lớn của dân tộc Việt Nam - một dân tộc đất không rộng, người không đông nhưng không bao giờ chịu khuất phục trước bất cứ kẻ thù xâm lược nào.

Thắng lợi đó khẳng định tài thao lược trong lãnh đạo chiến tranh cách mạng; đường lối chiến tranh nhân dân và sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự chỉ đạo kịp thời đúng đắn trực tiếp của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Hải quân; là thắng lợi của nghệ thuật quân sự nói chung và nghệ thuật quân sự Hải quân nói riêng, đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ và

nhân dân, của các ban ngành Trung ương và địa phương trên hướng biển, tạo nên sức mạnh của thế trận chiến tranh nhân dân, nền quốc phòng toàn dân trên chiến trường sông biển, chống lại cuộc phong tỏa hết sức hiểm độc của kẻ thù.

Giá trị lịch sử của chiến công trong chống phong tỏa bằng thủy lôi và bom từ trường của đế quốc Mỹ trên sông, biển miền Bắc luôn là thực tiễn sinh động, có ý nghĩa lịch sử to lớn, tính thời sự sâu sắc. Đó cũng là cơ sở lý luận và thực tiễn quý báu để Hải quân nhân dân Việt Nam tiếp tục nghiên cứu vận dụng, bổ sung hoàn thiện những cách đánh mới phù hợp, nhằm đối phó có hiệu quả với âm mưu phong tỏa đường biển của địch nếu có xảy ra trong tương lai và góp phần không ngừng phát triển lý luận quân sự hải quân.

Hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chống địch phong tỏa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Hải quân nhân dân Việt Nam tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng là lực lượng nòng cốt trên hướng chiến lược quan trọng là biển, đảo. Ngày nay, kế tục truyền thống anh hùng, bộ đội hải quân đã và đang thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ làm nòng cốt trong quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, thêm lục địa thiêng liêng của Tổ quốc.

## **2. Bài học kinh nghiệm**

Chiến công chống đế quốc Mỹ phong tỏa bằng thủy lôi và bom từ trường trên sông, biển miền Bắc những năm 1967 - 1968 và 1972 - 1973 là biểu hiện sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đã để lại cho chúng ta nhiều bài học quý báu, góp phần làm phong phú thêm nghệ thuật quân sự Hải quân và nghệ thuật quân sự Việt Nam, khẳng định một đội quân cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng quang vinh, đoàn kết một lòng, cùng toàn dân, toàn quân thực hiện cuộc chiến tranh nhân dân thì khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Những bài học đó đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Đó là:

Một là, quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo đường lối quân sự của Đảng vào nhiệm vụ chống địch phong tỏa sông biển, tích cực chủ động đề ra chủ trương, biện pháp chống phong tỏa quyết đoán, kịp thời.

Hai là, nắm vững âm mưu, thủ đoạn, quy luật hoạt động và vũ khí mới của địch; phát huy tinh thần yêu nước, đoàn kết hiệp đồng, tích cực, chủ động sáng tạo, mưu trí, dũng cảm kiên cường, khắc phục khó khăn, không sợ hy sinh gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ trong chống phong tỏa.

Ba là, hất huy sức mạnh tổng hợp của thế trận chiến tranh nhân dân, nền quốc phòng toàn dân trên chiến trường sông, biển; xây dựng các thành phần lực lượng có bản lĩnh chính trị vững vàng, ý chí quyết chiến quyết thắng; tổ chức hiệp đồng chặt chẽ, chỉ huy thống nhất giữa bộ đội chủ lực với bộ đội địa phương và dân quân tự vệ, lấy lực lượng hải quân làm nòng cốt - một trong những yếu tố quyết định thúc đẩy thắng lợi trong chống phong tỏa.

Bốn là, nắm vững khoa học kỹ thuật, kiên quyết khắc phục khó khăn, đánh địch bằng mọi thứ vũ khí hiện có; kiên trì giữ vững bí mật, biết nắm và tranh thủ thời cơ để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ; thường xuyên kết hợp nghiên cứu vận dụng phù hợp khoa học quân sự với khoa học kỹ thuật để có hiệu quả cao nhất trong chống phong tỏa.



### **Phần thứ ba**

## **PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG, KINH NGHIỆM TRONG CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ PHONG TỎA SÔNG, BIỂN MIỀN BẮC BẰNG THỦY LÔI VÀ BOM TÙ TRƯỜNG, XÂY DỰNG QUÂN CHỦNG HẢI QUÂN CÁCH MẠNG, CHÍNH QUY, TINH NHUỆ, HIỆN ĐẠI, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO CỦA TỔ QUỐC TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

Những năm tới, tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục có những biến động nhanh chóng khó lường. Tranh chấp chủ quyền, lợi ích ở Biển Đông diễn biến ngày càng phức tạp, luôn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra xung đột. Trong nước, tình hình an ninh, chính trị, xã hội cơ bản ổn định; kinh tế tiếp tục phát triển; quốc phòng - an ninh được giữ vững và tăng cường; đối ngoại được mở rộng. Tuy nhiên, các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh chiến lược “DBHB”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và “phi chính trị hóa” quân đội. Nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo Tổ quốc đặt ra yêu cầu cao hơn; tổ chức, biên chế của Quân chủng Hải quân có sự điều chỉnh, sắp xếp lại theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, được trang bị nhiều vũ khí trang bị mới, hiện đại.

Chiến công chống đế quốc Mỹ phong tỏa sông, biển miền Bắc bằng thủy lôi, bom từ trường để lại cho chúng ta nhiều bài học quý giá. Đó là cơ sở để thế hệ cán bộ, chiến sĩ hải quân hôm nay nghiên cứu, vận dụng sáng tạo trong hoàn cảnh mới, sẵn sàng đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược và phương thức tác chiến của chúng từ hướng biển; quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc; xây dựng Hải quân nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Tập trung làm tốt các nội dung sau:

Một là, chủ động nắm chắc diễn biến tình hình trên biển, nâng cao khả năng dự báo, kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng về chủ trương, đối sách chiến lược, biện pháp trong quản lý nhà nước về biển, đảo, xử lý các vấn đề trên biển và công tác đối ngoại quốc phòng trên hướng biển. Đề cao cảnh giác cao, nắm chắc tình hình; chuẩn bị toàn diện về tư tưởng, lực lượng, phương tiện, vũ khí trang bị, cơ sở vật chất; xử lý kịp thời, không để bị bất ngờ; giữ vững mối quan hệ hữu nghị với các nước, nhất là các nước trong khu vực. Chủ động phòng, chống, ngăn ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại quân sự, nhất là với Hải quân các nước truyền thống, các nước láng giềng và trong khu vực; chủ động hợp tác tuần tra chung với các nước trong khu vực, xây dựng vùng biển hoà bình, ổn định, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, góp phần phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai là, tập trung xây dựng Hải quân nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị, làm cơ sở để nâng cao sức mạnh tổng hợp của Quân chủng. Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội cho cán bộ, chiến sĩ, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ, “phi chính trị hoá” quân đội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của các thế lực thù địch. Trong

bất cứ hoàn cảnh nào Hải quân nhân dân Việt Nam cũng luôn tỏ rõ lòng trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân; phải làm hết sức mình, dù có phải hy sinh tính mạng để giữ vững chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Ba là, phát huy sức mạnh tổng hợp, thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân, khu vực phòng thủ và thể trận chiến tranh nhân dân trên biển vững chắc, trong đó Hải quân nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt. Chủ động nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch, đề xuất phương án, cách đánh phù hợp với sự phát triển của vũ khí trang bị kỹ thuật và đối tượng tác chiến. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, thông tin trong quản lý, chỉ huy, điều hành tác chiến. Chủ động hiệp đồng chặt chẽ giữa Hải quân với cấp ủy, chính quyền và lực lượng vũ trang địa phương, các lực lượng quản lý, bảo vệ và khai thác tài nguyên trên biển, huy động lực lượng, phương tiện đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Xây dựng Quân chủng Hải quân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đủ các thành phần lực lượng; xây dựng các lực lượng trong Quân chủng có thể tác chiến độc lập, liên tục dài ngày ở vùng biển gần cũng như vùng biển xa thắng lợi. Tăng cường rèn luyện kỷ luật, xây dựng nền nếp chính quy; triển khai có hiệu quả các trọng tâm, đột phá của Quân chủng và của các cơ quan, đơn vị.

Bốn là, đổi mới nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, nâng cao khả năng quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; huấn luyện theo đúng phương châm “cơ bản, thiết thực, vững chắc”, coi trọng huấn luyện đồng bộ, chuyên sâu, sát thực tế chiến trường; huấn luyện hiệp đồng, chỉ thị mục tiêu, sát phương án; huấn luyện làm chủ vũ khí trang bị kỹ thuật, phương pháp thả và rà phá thủy lôi, bom mìn, chống chìm, chống cháy, chống đâm va, mắc cạn tàu, thuyền, cứu hộ, cứu nạn và phòng ngừa tai nạn...; huấn luyện kỹ thuật cơ bản, vững chắc về chiến thuật; huấn luyện xử lý các tình huống, trong điều kiện thời tiết phức tạp; chủ động phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang và các địa phương xử lý kịp thời, chính xác mọi tình huống theo đúng quan điểm đường lối của Đảng, luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Năm là, tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng của Quân chủng Hải quân; truyền thống của đơn vị và những bài học quý báu trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, giải phóng dân tộc, trong thời kỳ mới, nhất là những kinh nghiệm xương máu trong rà phá thủy lôi, bom từ trường của đế quốc Mỹ phong tỏa sông, biển miền Bắc; nghiên cứu các bài học lịch sử được đúc rút ra từ kinh nghiệm trong chiến tranh để chuẩn bị thể trận chiến tranh nhân dân trên biển, kế thừa, phát huy hơn nữa nghệ thuật quân sự và truyền thống đánh giặc của dân tộc trong điều kiện mới; xây dựng phương án, cách đánh độc đáo có hiệu quả nhất phù hợp với đối tượng tác chiến và điều kiện cụ thể của Quân chủng Hải quân, nhằm xây dựng củng cố kho tàng nghệ thuật quân sự Hải quân nhân dân Việt Nam trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Sáu là, ra sức phấn đấu học tập, rèn luyện, công tác tốt; nêu cao ý thức độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, cần kiệm để xây dựng đơn vị. Làm chủ vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện có; tiếp nhận và làm chủ vũ khí, trang bị mới hiện đại; chủ động nắm bắt các thành tựu khoa học - công nghệ mới để nghiên cứu cải tiến, sáng chế, ứng dụng; thực hiện tốt cuộc vận động “Quản lý, khai thác vũ khí trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và an toàn giao thông”.

Kỷ niệm 50 năm Chiến công chống đế quốc Mỹ phong tỏa sông, biển miền Bắc bằng thủy lôi và bom từ trường (27/6/1973 - 27/6/2023) là dịp để quân và dân ta, trực tiếp là các lực lượng tham gia thực hiện nhiệm vụ ôn lại một trong những chiến công tiêu biểu xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta; tự hào, trân trọng và tôn vinh công lao, sự cống hiến, hy sinh của các thế hệ đi trước; nhân lên giá trị và những bài học kinh nghiệm quý báu trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Cán bộ, chiến sĩ trong Quân chủng Hải quân nguyện sẽ kế tục xứng đáng truyền thống anh hùng, xây dựng Hải quân nhân dân Việt Nam cách mạng, chính qui, tinh nhuệ, hiện đại, thực sự là lực lượng nòng cốt trong cuộc chiến tranh nhân dân trên biển, kiên quyết đánh bại các cuộc tiến công xâm lược từ hướng biển với bất kể đối tượng nào được trang bị vũ khí tối tân, hiện đại, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc./.

**CỤC CHÍNH TRỊ HẢI QUÂN**